



đề các câu hỏi ôn tập Luật kinh doanh

Luật kinh doanh (Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng)

CÂU 1: Những doanh nghiệp có phần vốn của người nước ngoài được thành lập tại Việt Nam chỉ được hoạt động theo hình thức công ty TNHH.
SAI .có thể hoạt động theo hình thức công ty cổ phần (chỉ cần có tiền là được)

CÂU 2:Trong cơ cấu vốn của công ty nhà nước chỉ có vốn do nhà nước đầu tư.
SAI :Công ty nhà nước là nhà nước chiếm phần vốn đa số chi phối hoặc toàn bộ,do đó vẫn còn ó các chủ thể khác góp vốn.ví dụ công ty cổ phần có nhà nước chiếm hơn 50% cổ phần.

CÂU 3:Công ty TNHH có thể tăng vốn điều lệ bằng cách mua lại phần vốn góp của thành viên trong công ty.
SAI.Vì việc công ty mua lại phần vốn góp sẽ dẫn đến làm giảm vốn điều lệ của công ty.

CÂU 4: Chủ sở hữu của 1 công ty TNHH một thành viên phải là một tổ chức có tư cách pháp nhân.
ĐÚNG.Vì chủ sở hữu cty TNHH một thành viên nếu là tổ chức thì phải có tư cách pháp nhân.Ngoài ra chủ sở hữu cty TNHH một thành viên có thể là cá nhân.

CÂU 5: Bất kỳ cá nhân nào cũng có quyền góp vốn vào các dn để kd trừ cán bộ công chức nhà nước.(theo luật 2005)

SAI
vì theo khoản 2 điều 13 luật dn quy định các tổ chức cá nhân ko được quyền góp vốn thành lập quản lý dn ngoài cán bộ công chức nhà nước còn có

- cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân VN sử dụng tài sản của để thành lập dn kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan đv mình
- sĩ quan hạ sĩ quan ,quân nhân chuyên nghiệp ,cn quốc phòng trong các cơ quan đơn vị thuộc quân đội ndvn ,sĩ quan hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan đơn vị thuộc công an nhân dân Việt Nam

CÂU 6: Ông A đứng tên cá nhân ký hợp đồng thuê nhà làm trụ sở theo thỏa thuận của các tv sáng lập, nhưng sau đó công ty TNHH X ko được thành lập thì ông A có phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với hợp đồng thuê nhà đó ko?

CÓ PHẢI CHỊU TRÁCH NHIỆM

vì theo khoản 3 điều 14 luật dn quy định:Trong trường hợp dn ko được thành lập thì người ký kết hợp đồng phải chịu trách nhiệm hoặc liên đới chịu trách nhiệm tài sản về việc thực hiện hợp đồng đó

CÂU 7: Ông M gửi hồ sơ đăng ký thành lập dn tư nhân đến cơ quan đăng ký kd nhưng đã quá 10 ngày mà cơ quan đăng ký kd ko có thông báo bằng văn bản về việc từ chối hay chấp nhận .Vậy ông M có được coi là đã đk kd hợp

pháp và hoạt động kinh doanh bình thường theo quy định của pháp luật hay ko?

KHÔNG

Vì theo quy định của pháp luật dn chỉ được phép hoạt động kinh doanh khi có giấy phép kinh doanh hợp pháp của cơ quan nhà nước(cơ quan đk kinh doanh)

CÂU 8:Bà T1,T2,T3 cùng nhau góp vốn thành lập công ty TNHH X .Khi lập danh sách các thành viên công ty để đk kinh doanh bà T1 cho rằng danh sách chỉ cần có chữ ký của bà là người đại diện theo pháp luật của công ty mà ko cần chữ ký của các thành viên còn lại vẫn được coi là hợp pháp

SAI

CÂU 9:Khi chị A góp vốn bằng giá trị quyền sd đất vào công ty trách nhiệm hữu hạn T có phải làm thủ tục chuyển quyền sd đất cho công ty trách nhiệm hữu hạn T hay ko?

CÓ

vì Theo khoản 1 điều 29 luật dn quy định:đối với tài sản có đk hoặc giá trị quyền sd đất thì người góp vốn phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản đó hoặc quyền sd đất cho công ty tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền

CÂU 10: Anh K dùng 1 số tài sản là trái phiếu ko ghi danh trị giá 500 triệu đồng để góp vốn vào công ty cổ phần ô tô vận tải X. Vậy trong trường hợp này anh K có phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản đó cho công ty X tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền ko?
KHÔNG

Vì theo mục b, khoản 1 điều 19 quy định đối với những tài sản ko đk quyền sở hữu việc thực hiện góp vốn được thực hiện bằng việc giao nhận tài sản góp vốn có xác nhận bằng biên bản. Ko thấy nhắc đến việc phải làm thủ tục tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Ở đây K sử dụng trái phiếu ko ghi danh để góp vốn tức là tài sản ko đk bản quyền

CÂU 11: A tham gia vào công ty trách nhiệm hữu hạn X bằng cách góp vốn bằng cổ phần mà A nắm giữ tại công ty cổ phần K. Vậy việc A dùng cổ phần của công ty cổ phần K mà mình đang sở hữu để góp vốn vào công ty X như trường hợp nêu trên có được coi là đúng quy định pháp luật hiện hành ko?
KO

CÂU 12: Ông T đã thành lập dn tư nhân T mang tên mình. Vậy sau khi dn tư nhân T đăng kí kd tại cơ quan có thẩm quyền thì ông T có phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản của mình sang dn tư nhân mà ông đã bỏ vốn ra thành lập dn ko?

Trả lời
KO

Vì theo khoản 2 điều 29 luật dn quy định: tài sản được sd vào hoạt động kd của chủ dn tư nhân ko phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu cho dn

CÂU 13: Công ty AB thành lập công ty con lấy tên là công ty A&B. Khi đăng kí kd đã bị cơ quan đăng kí kd từ chối với lý do tên gọi gây nhầm lẫn với công ty AB. Công ty AB cho rằng 2 công ty này là me_con nên pháp luật vẫn cho phép đặt tên như vậy?
CÔNG TY AB SAI

Vì theo điều 32 luật dn quy định cấm đặt tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên dn đã đk. Ở đây luật cấm đối với mọi dn ko thấy nói đến trừ trường hợp là công ty me_con

CÂU 14: Ông T quyết định tặng 70% vốn góp của mình tại công ty TNHH P cho anh Q là con nuôi vì anh có khả năng kinh doanh. Các tv khác của công ty P cho rằng việc tặng cho đó không hợp pháp vì ko có sự đồng ý của hội

đồng thành viên nhưng ông T cho rằng ông có quyền tặng cho bất cứ người con nào phần vốn góp của mình tại công ty P mà các tv khác ko có quyền phản đối và người đó đương nhiên là thành viên của công ty
ÔNG T SAI

Vì theo khoản 5 điều 45 luật dn quy định: thành viên có quyền tặng cho 1 phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình tại công ty cho người khác. Trường hợp người được tặng là người có cùng huyết thống đến thế hệ thứ 3 thì họ đương nhiên là thành viên của công ty. Trường hợp người được tặng cho là người khác thì học chỉ trở thành tv của công ty khi được hội đồng tv chấp thuận. Ở đây Q chỉ là con nuôi của ông T ko có quan hệ huyết thống với ông T nên cần có sự chấp thuận của hội đồng tv

CÂU 15: Công ty T được ông K là thành viên góp vốn của công ty TNHH X sử dụng vốn góp để trả nợ. Vậy khi công ty T nhận thanh toán nợ bằng vốn góp đó thì có đương nhiên trở thành thành viên công ty TNHH X ko?
KO

Vì theo quy định tại khoản 6 điều 45 luật dn thì công ty T chỉ trở thành tv của công ty TNHH X nếu được hội đồng tv chấp thuận

CÂU 16: Ông Q được cử làm chủ tịch hội đồng tv, còn ông H được cử làm giám đốc công ty TNHH A. Nhưng điều lệ công ty ko quy định chủ tịch hội đồng tv hay giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty. Vậy trong trường hợp này ai sẽ đương nhiên là đại diện theo pháp luật?

Chủ tịch hội đồng tv(ông Q)sẽ là đại diện theo pháp luật của công ty nhưng trong giấy tờ phải ghi rõ.Trong trường hợp chủ tịch hội đồng tv ko là đại diện theo pháp luật thì giám đốc công ty(ông H)sẽ đảm nhiệm chức vụ đó

CÂU 17:Khi trên thị trường có những diễn biến bất lợi cho công ty ,các thành viên công ty đã yêu cầu chủ tịch hội đồng tv B triệu tập họp hội đồng tv .Nhưng ông B cho rằng điều lệ công ty ko quy định vấn đề này và ông đang

chiếm 65% vốn góp thấy ko cần thiết.Vì vậy những tv có yêu cầu đã nhân danh công ty kiện ông B về việc ko thực hiện đúng nghĩa vụ quản lý gây thiệt hại đến lợi ích hợp pháp của họ

ÔNG B SAI

Vì theo quy định tại khoản 2 điều 41 luật dn: thành viên hoặc nhóm tv sở hữu trên 25% vốn điều lệ(trong trường hợp này các tv yêu cầu triệu tập họp sở hữu 35% vốn điều lệ) có quyền yêu cầu triệu tập hội đồng tv để giải quyết những vđ thuộc thẩm quyền

CÂU 18: Pháp luật hiện hành có quy định cấm kí kết hợp đồng giữa công ty TNHH một thành viên là cá nhân với chính cá nhân làm chủ sở hữu công ty đó hay ko?

KO

Theo điều 75 khoản 4 quy định hợp đồng giao dịch giữa công ty TNHH 1 thành viên là cá nhân với chủ sở hữu công ty hoặc những người có liên quan của chủ sở hữu công ty phải được ghi chép lại và lưu giữ thành hồ sơ riêng của công ty .Như vậy công ty vẫn được phép kí kết hợp đồng với chính cá nhân làm chủ sở hữu công ty nhưng có điều hợp đồng đó phải được lưu giữ thành hồ sơ riêng của công ty yêu

CÂU 19: Điều lệ công ty cổ phần B có quy định chỉ cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% trở lên sẽ có quyền yêu cầu triệu tập họp đại hội đồng cổ đông trong trường hợp hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ

đông .Vậy quy định này có bị coi là trái quy định của pháp luật hay ko?

QUY ĐỊNH TRÊN CÓ BỊ COI LÀ TRÁI PHÁP LUẬT

Vì theo quy định của pháp luật cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền yêu cầu triệu tập họp đại hội cổ đông trong trường hợp hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông

CÂU 20:Điều lệ công ty cổ phần Y quy định cổ đông sáng lập là cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết .Vậy cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết có được chuyển nhượng cổ phần đó cho cổ đông sáng lập khác trong công ty hay ko?

KO

Vì theo khoản 3 điều 81 luật dn quy định cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết ko được chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác.

CÂU 21:Ông T mua 5000 cổ phần ưu đãi hoàn lại của công ty cổ phần Y .Trên cổ phiếu đó ko ghi thời gian hoàn lại .Vậy ông T có được quyền yêu cầu công ty cổ phần Y hoàn trả lại cho mình giá trị ghi trên mệnh giá bất kỳ lúc nào ko?

CÓ

Vì theo điều 83 luật dn thì phần ưu đãi hoàn lại là cổ phần được công ty hoàn lại vốn góp bất cứ khi nào theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các điều kiện được tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại. Trong trường hợp này trên cổ phiếu ko ghi tg hoàn lại vậy nên ông T sẽ được nhận lại hoàn toàn vốn góp bất kỳ lúc nào ông yêu cầu

CÂU 22:Ông B,C,D là những cổ đông sáng lập công ty cổ phần A.Vậy pháp luật có bắt buộc họ phải mua ít nhất 20% tổng số vốn điều lệ trước khi được cấp giấy chứng nhận đăng kí kd hay ko?

KO

Vì theo quy định tại điều 84 các cổ đông sáng lập phải cùng nhau đăng kí mua ít nhất 20% tổng số cổ phần

phổ thông được quyền chào bán và phải thanh toán đủ số cổ phần đã đk mua trong thời hạn chín mươi ngày kể từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận đk kinh doanh. Như vậy các cổ đông sáng lập ko bắt buộc phải mua ít nhất 20% tổng số vốn điều lệ trước khi được cấp giấy chứng nhận đk kd mà có thể được thanh toán đủ số cổ phần đã đk mua trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày cấp giấy kd

CÂU 23: Điều lệ công ty cổ phần X quy định trong thời hạn 3 năm kể từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận đk kinh doanh, cổ đông sáng lập ko được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông khác với bất kỳ lý do nào. Nhưng trong thời hạn đó ông H là cổ đông sáng lập công ty đã chuyển nhượng 1 phần cổ phần phổ thông của mình cho anh B cũng là cổ đông sáng lập. Vậy hành vi của ông H có được coi là đúng với quy định của pháp luật hiện hành ko?

CÓ

Vì theo khoản 5 điều 84 quy định trong thời hạn 3 năm kể từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận đk kd cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác. **CÂU 24:** Q là cổ đông của công ty cổ phần T đã thu gom được 1 lượng cổ phần bằng 5% tổng số cổ phần phổ thông và đã yêu cầu công ty đăng ký với cơ quan đk kd. Nhưng công ty cho rằng chỉ khi T nắm giữ từ 5% trở lên của tổng số tất cả các loại cổ phần do công ty phát hành thì công ty mới thực hiện việc đk với cơ quan đk kd

CÔNG TY ĐÚNG

Vì theo quy định tại khoản 4 điều 86 luật dn thì cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên thì phải được đk tại với cơ quan đk kd có thẩm quyền

CÂU 25: Đại hội đồng cổ đông công ty cổ phần A đã biểu quyết cho phép hội đồng quản trị được quyền chào bán 12% số cổ phần công ty đã mua lại của cổ đông. Hội đồng quản trị đã chào bán với giá bằng 50% giá thị trường cho tất cả cổ đông theo tỉ lệ cổ phần hiện có của

họ ở công ty. Hỏi trong trường hợp nêu trên việc hội đồng quản trị chào bán với giá 50% giá thị trường cho tất cả cổ đông theo tỉ lệ cổ phần hiện có của họ ở công ty có được coi là đúng quy định pháp luật ko?

CÓ

Vì theo khoản điều 87 trong trường hợp cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỉ lệ cổ phần hiện có của họ ở công ty thì hội đồng quản trị có quyền quyết định giá bán.

CÂU 26: Do công ty cổ phần P nợ của ngân hàng S 500 triệu đồng nên công ty quyết định phát hành trái phiếu cho ngân hàng S với lãi suất hàng năm 8% song có người cho rằng quyết định đó là vi phạm pháp luật vì trong 3 năm liên tục công ty chỉ trả cổ tức bằng 5%

Ý KIẾN ĐÓ SAI, CÔNG TY P ĐÚNG

Vì theo khoản 2 điều 88 quy định việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn ko bị hạn chế bởi các quy định

CÂU 27: Trong năm 2006 hội đồng quản trị công ty cổ phần đã quyết định mua lại tổng số 16% cổ phần mỗi lần 8%. Đại hội đồng cổ đông cho rằng như vậy là sai nhưng hội đồng quản trị cho rằng như vậy là đúng vì mỗi lần mua lại ko quá 10%. Vậy trong trường hợp nêu trên ý kiến của ai đúng?

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ĐÚNG

Vì: theo quy định tại khoản 1 điều 91 quy định hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại ko quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi 12 tháng. Như vậy trong 1 năm hội đồng quản trị công ty chỉ có quyền quyết định mua lại ko quá 10% tổng số cổ phần. (ở trên trong năm 2006 quyết định mua lại 16% cổ phần như vậy là trái với quy định pháp luật)

CÂU 28: Công ty cổ phần X đã quyết định mua lại 7% cổ phần phổ thông tuy nhiên năm kinh doanh đó công ty cổ phần X bị xác định là thua lỗ. Vậy trong trường hợp này việc công ty cổ phần X quyết định mua lại cổ phần phổ thông đó có được coi là hợp lệ hay ko?

CÓ

Câu 29:Giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức mà cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác và có thỏa thuận bên nhận chuyển nhượng là người có quyền nhận cổ tức cổ phiếu .Vậy thỏa thuận đó có phù hợp với quy định của pháp luật ko?

KO PHÙ HỢP VỚI QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

Vì: theo khoản 4 điều 93 quy định : trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công t×nh yêu

CÂU 30:Công ty H nắm giữ 10% cổ phần tại công ty B đã quyết định cử 2 đại diện theo ủy quyền để thực hiện các quyền cổ đông theo quy định pháp luật và quy định rõ mỗi người đại diện 5% số cổ phần này đủ cho họ đại diện tham gia vào hội đồng quản trị vào ban kiểm soát .Vậy công ty H ủy quyền cho 2 người này có được hay ko?

CÓ

CÂU 31: Mặc dù ông H phản đối việc mua lại 15% tổng số cổ phần do vi phạm điều lệ công ty nhưng hội đồng quản trị vẫn thông qua nghị quyết với đa số phiếu thuận trong quá trình thực hiện quyết định đó đã gây ra thiệt hại

cho công ty .Hội đồng quản trị yêu cầu ông H cũng phải liên đới chịu trách nhiệm vì thiếu số phục tùng đa số nhưng ông H từ chối .Vậy trong trường hợp này ông H từ chối yêu cầu của hội đồng quản trị có bị coi là vi phạm pháp luật ko?

ÔNG H KO VI PHẠM PHÁP LUẬT

Vì theo khoản 4 điều 108 quy định trong trường hợp quyết định do hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc điều lệ của công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua

quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty ,thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

CÂU 32:Công ty cổ phần X là công ty con của công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên B do nhà nước đầu tư chiếm 65% vốn điều lệ .Vậy chủ tịch công ty TNHH 1 thành viên B có quyền bổ nhiệm con trai của mình làm người đại diện phần vốn tại công ty cổ phần và có quyền tham gia ứng cử vào hội đồng quản trị ko?

KO

Vì theo quy định tại khoản 2 điều 57:đối với công ty con của công ty cổ phần vốn góp ,cổ phần của nhà nước chiếm trên 50% vốn điều lệ thì giám đốc hoặc tổng giám đốc ko được là vợ hoặc chồng ,cha ,cha nuôi,mẹ ,mẹ nuôi .con,con nuôi,anh chị em ruột của người quản lý và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ.

CÂU 33:Công ty cổ phần X muốn bầu anh B 20 tuổi có trình độ trung cấp kế toán làm kiểm soát viên công ty . Nhưng có ý kiến cho rằng anh ko đủ tuổi theo quy định của pháp luật hiện hành để bầu vào chức năng ấy .Vậy ý kiến trên có căn cứ pháp luật hay ko?

Ý KIẾN TRÊN CÓ CĂN CỨ PHÁP LUẬT

Theo khoản 1 điều 122 quy định thành viên ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau:Từ 21 tuổi trở lên có đủ năng lực hành vi dân sự và ko thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý dn theo quy định của pháp luật...

CÂU 34:Ông X đăng kí thành lập dn tư nhân X nhưng bị cơ quan đkkd từ chối với lí do ông đã thành là thành viên hợp danh của công ty hợp danh K, mặc dù các thành viên của công ty hợp danh K đã có kiến nghị .Vậy việc từ chối của cơ quan đkkd đối với yêu cầu của ông X có đúng với quy định của pháp luật hiện hành ko?

KO ĐÚNG VỚI QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH

Vì trong khoản 1 điều 133 quy định thành viên hợp danh vẫn được phép làm chủ dn tư nhân nếu được sự đồng ý của các thành viên hợp danh còn lại .

CÂU 35: Các thành viên trong công ty hợp danh W đã cử ông X là thành viên góp vốn làm chủ tịch kiêm giám đốc công ty theo quy định tại điều lệ 3. Vậy trường hợp này có được coi là phù hợp với quy định pháp luật hiện hành ko?

KO PHÙ HỢP VỚI QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH
Vì theo khoản 2 điều 140 quy định thành viên góp vốn ko được tham gia quản lý công ty ,ko được tiến hành công việc kd nhân danh công ty.

LUẬT KINH TẾ 1

DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Những khẳng định sau đây đúng hay sai ? Why ?

1/ DNNN là tổ chức kinh tế do N² sở hữu toàn bộ vốn điều lệ ?

→ **Sai.** Vì theo Điều 1 của Luật DNNN ngày 26/11/03 thì DNNN là tổ chức KT do N² sở hữu toàn bộ vốn điều lệ or có cổ phần, vốn góp chi fôi được tổ chức dưới hình thức công ty N², Cty cổ phần, Cty TNHH.

2/ DN 100% vốn N² dưới hình thức Cty cổ phần N², Cty TNHH N² 1 thành viên, 2 thành viên hoạt động theo luật DNNN.

→ **Sai.** Vì:

+ Cty cổ phần N²: là Cty cổ phần mà toàn bộ cổ đông là các Cty N² or tổ chức được N² ủy quyền góp vốn, được tổ chức và hoạt động theo quy định của luật DN (K2, Đ3 của luật DNNN)

+ Cty TNHH N² 1 th/viên: là Cty TNHH do N² sở hữu toàn bộ vốn điều lệ, được tổ chức quản lý và đăng ký hoạt động theo quy định của luật DN (K3, Đ3 - luật DNNN).

+ Cty TNHH N² có 2 th/viên trở lên: là Cty TNHH ⇨ đó all các th/viên đều là Cty N² or có th/viên là Cty N² và th/viên ≠ là tổ chức được N² ủy quyền góp vốn, được tổ chức và hoạt động theo quy định của luật DN (K4, Đ3 - luật DNNN).

3/ DN có cổ phần, vốn góp chi fôi của N² là DN mà cổ phần or vốn góp của N² chiếm từ 50% vốn điều lệ trở lên.

→ **Sai.** Vì theo quy định tại K5, Đ3 -luật DNNN: "DN có cổ phần, vốn góp chi fôi của N² là DN mà cổ phần or vốn góp của N² chiếm trên 50% vốn điều lệ trở lên".

4/ Giám đốc of Cty N² fải là λ được N² bổ nhiệm.

→ **Đúng.** Vì theo K1, Đ25 - luật DNNN quy định: "λ quyết định thành lập Cty (Theo K1, K2 Đ9 thì thẩm quyền quyết định thành lập mới Cty N² là: Thủ tướng CP; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh) quyết định việc tuyển chọn để bổ nhiệm, miễn nhiệm or ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với GD Cty N²..."

5/ Chủ tịch HĐQT của Cty N² là người đại diện theo pháp luật của Cty.

→ **Sai.** Vì theo K1, Đ38 - luật DNNN quy định: "TGD là λ đại diện theo PL, điều hành hoạt động hàng ngày của Cty"

6/ Chủ tịch HĐQT có thể kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc của Cty N².

→ **Sai.** Vì theo K1, Đ33 của luật DNNN quy định: "Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc của Cty".

7/ Giám đốc Cty N² theo mô hình không có HĐQT bị miễn nhiệm khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác.

→ **Sai.** Vì theo K4, Đ25 - luật DNNN quy định thì "Giám đốc được thay thế khi xin từ chức or khi có quyết định điều chuyển or bố trí công việc ≠" (còn khi bị miễn nhiệm or chấm dứt hợp đồng trước thời hạn ⇨ các trường hợp ≠ – K3, Đ25)

8/ Thời hạn được bổ nhiệm Giám đốc theo mô hình không có HĐQT không quá 3 năm.

→ **Sai.** Vì theo K2, Đ25 - luật DNNN quy định thì "GD được bổ nhiệm or ký hợp đồng theo thời hạn 0 quá 5 năm và can được bổ nhiệm lại or ký tiếp hợp đồng".

9/ Thành viên Ban kiểm soát phải là thành viên của HĐQT trong Cty N².

→ **Sai.** Vì theo K3, Đ37 - luật DNNN quy định thì chỉ có Trưởng Ban kiểm soát là th/viên of HĐQT và 1 số th/viên ≠ do HĐQT quyết định. Tổ chức công đoàn ⇨ Cty được cử 1 đại diện đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại K4, Đ37 để tham gia th/viên Ban kiểm soát.

10/ Cty N² được tổ chức dưới mô hình có HĐQT.

→ **Sai.** Vì theo K1, Đ21 - luật DNNN quy định thì Cty N² được tổ chức quản lý theo mô hình có or o có HĐQT.

11/ DNNN chịu trách nhiệm ⇨ phạm vi vốn điều lệ

→ **Đúng.** Vì vốn điều lệ của Cty N² là số vốn N² đầu tư vào Cty và ghi tại Điều lệ Cty. DNNN có tư cách pháp nhân có các quyền và nghĩa vụ đ/v vốn và tài sản của Cty, tự chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản ≠ của Cty ⇨ phạm vi số vốn của N² đầu tư tại Cty. (theo Đ1, Đ14 - luật DNNN - 26/11/03)

12/ DNNN được phép hoạt động KD kể từ khi được cơ quan N² có thẩm quyền ký quyết định thành lập DN.

→ **Sai.** Vì theo K1, K2; Đ10 - luật DNNN quy định: ⇨ thời hạn 60 ngày kể từ ngày có quyết định thành lập, DNNN phải đăng ký KD tại cơ quan đăng ký KD theo quy định of luật DN.

Cty N² có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận ĐKKD. Sau khi được cấp giấy chứng nhận ĐKKD, Cty mới được tiếp nhận vốn đầu tư từ NSNN or huy động vốn để đầu tư, xây dựng DN và hoạt động KD.

13/ DNNN không có tư cách pháp nhân.

→ **Sai.** Vì theo K1, Đ10 - luật DNNN - 26/11/03 quy định: "Cty N² có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận ĐKKD"; Đồng thời, theo Điều 94 của Bộ luật Dân sự ngày 28/10/95 quy định thì DNNN thỏa mãn 04 điều kiện của pháp nhân:

+ Được cơ quan N² có thẩm quyền thành lập, cho phép thành lập, đăng ký or công nhận.

+ Có cơ cấu tổ chức chặt chẽ.

+ Có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức ≠ và tự chịu trách nhiệm = tài sản đó.

+ Nhân danh mình tham gia các quan hệ pháp luật 1 cách độc lập.

TRẮC NGHIỆM: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

Những khẳng định sau đây đúng hay sai ? Tại sao ?

1/ Chủ DNTN tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản kinh doanh của mình.

→ **Sai.** Vì DNTN là DN do 1 cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của DN. (Đ99 - luật DN 12/6/99)

2/ Muốn thành lập DNTN phải có vốn đầu tư ban đầu không được thấp hơn vốn pháp định.

→ **Sai.** Vì vốn đầu tư của DNTN do chủ DN tự khai (K1, Đ100 - luật DN). Đối với các DN kinh doanh ngành nghề mà pháp luật quy định phải có vốn pháp định tính đến 31/12/99 là: KD vàng, KD tiền tệ tín dụng, KD dịch vụ bảo hiểm các loại, môi giới và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

3/ Chủ DNTN là người quản lý điều hành DN.

→ **Sai.** Vì chủ DNTN có thể trực tiếp hoặc thuê người khác làm Giám đốc quản lý điều hành DN. (K1, Đ101 của luật DN năm 1999)

4/ DNTN không có tư cách pháp nhân..

→ **Đúng.** Theo Điều 94 của Bộ luật Dân sự ngày 28/10/95 quy định: "Một tổ chức được công nhận là pháp nhân khi có đủ các điều kiện sau:

+ Được cơ quan N² có thẩm quyền thành lập, cho phép thành lập, đăng ký hoặc công nhận.

+ Có cơ cấu tổ chức chặt chẽ.

+ Có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản đó.

+ Nhân danh mình tham gia các quan hệ pháp luật 1 cách độc lập."

Do DNTN không có tài sản riêng độc lập và khi KD thua lỗ thì chủ DN phải tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình (kể cả tài sản trong và ngoài DN) (theo Đ99 - luật DN) → DNTN không có tư cách pháp nhân (theo K3Đ94- luật Dân sự năm 95)

5/ DNTN không được KD xuất nhập khẩu vì không có tư cách pháp nhân.

→ **Sai.** Vì theo K5, Đ7 - luật DN quy định: "DNTN có quyền KD xuất khẩu và nhập khẩu".

6/ Giám đốc DNTN là đại diện theo pháp luật của DN.

→ **Sai.** Vì theo K3, Đ101 - luật DN quy định: "Chủ DNTN là đại diện theo PL của DN".

7/ DNTN không được lập văn phòng đại diện và chi nhánh DN để mở rộng hoạt động KD.

→ **Sai.** Vì theo K3, Đ25 - luật DN quy định: "DN có quyền lập chi nhánh, văn phòng ở trong nước và ngoài nước".

8/ Chủ DNTN có quyền tự do cho thuê DN của mình.

→ **Sai.** Vì theo Đ102 - luật DN quy định: "Chủ DNTN có quyền cho thuê toàn bộ DN của mình, nhưng phải báo cáo bằng văn bản kèm theo bản sao hợp đồng cho thuê có công chứng đến cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế. Trong thời hạn cho thuê, chủ DN vẫn phải chịu trách nhiệm trước PL với tư cách là chủ sở hữu".

9/ DNTN không được thuê lao động là người nước ngoài.

→ **Sai.** Vì theo K6, Đ7 - luật DN quy định: "DN có quyền tuyển, thuê, sử dụng LĐ theo yêu cầu kinh doanh", và "Ưu tiên sử dụng LĐ trong nước, bảo đảm quyền, lợi ích của người LĐ theo quy định của PL về LĐ" (K6, Đ8 - luật DN)

10/ Khi bán DNTN các khoản nợ của DNTN thuộc về người mua DN.

→ **Sai.** Vì theo K2, Đ103 - luật DN quy định: "Sau khi bán DN, chủ DNTN vẫn phải chịu trách nhiệm về tất cả các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác mà DN chưa thực hiện, trừ trường hợp người mua, người bán và chủ nợ có thoả thuận khác".

11/ Chủ DNTN kinh doanh mua bán thuốc bảo vệ thực vật phải có chứng chỉ hành nghề.

→ **Sai.** Vì theo điểm c khoản 3 điều 6; K2, Đ6 – NĐ số: 03/NĐ-CP ngày 3/2/2000 của CPhủ và điểm a khoản 5 điều 1 của NĐ số: 125/2004/NĐ-CP ngày 19/5/2004 của CPhủ quy định: Đối với DNTN, chủ DN hoặc giám đốc quản lý DN phải có chứng chỉ hành nghề.

TRẮC NGHIỆM: CÔNG TY CỔ PHẦN

Những khẳng định sau đây đúng hay sai ? Tại sao ?

1/ Cổ phần ưu đãi là cổ phần bắt buộc phải có trong Cty cổ phần.

→ **Sai.** Vì theo K2, Đ52 – luật DN ngày 12/6/99 quy định: " Cty cổ phần có thể có cổ phần ưu đãi".

2/ Vốn điều lệ được chia làm nhiều phần bằng nhau hoặc không bằng nhau trong Cty cổ phần.

→ **Sai.** Vì vốn điều lệ phải được chia làm nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần (theo điểm a khoản 1 điều 51 - luật DN)

3/ Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông và được quyền tham gia các hoạt động của công ty.

→ **Đúng.** (Theo quy định tại K1, Đ52; K1, Đ53; K3, Đ55; K3, Đ56; K3, Đ57 – luật DN).

4/ Cổ phiếu của công ty được coi là hàng hóa được mua, bán chuyển nhượng tự do trên thị trường chứng khoán.

→ **Sai.** Vì cổ phiếu có thể được lưu thông, chuyển nhượng tự do trên thị trường như một thứ hàng hóa nhưng phải theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5/ Cty cổ phần phải có Ban kiểm soát..

→ **Sai.** Vì Cty cổ phần từ 3 - 11 thành viên phải có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc (Tổng giám đốc); Đối với Cty cổ phần có trên 11 thành viên phải có Ban kiểm soát (Theo Đ69, Đ88 - luật DN).

6/ HĐQT của Cty cổ phần là cơ quan quản lý công ty có quyền quyết định giải thể công ty.

→ **Sai.** Vì Đại hội đồng cổ đông của Cty cổ phần mới có quyền quyết định giải thể công ty (theo điểm d khoản 2 điều 70 - luật DN). Còn HĐQT chỉ có quyền kiến nghị việc giải thể công ty. (điểm n khoản 2 điều 80 - luật DN).

7/ Giám đốc (Tổng giám đốc) Cty cổ phần có quyền yêu cầu tòa án xem xét và hủy bỏ QĐ của Đại hội đồng cổ đông khi nội dung QĐ vi phạm điều lệ công ty.

→ **Đúng.** (Theo K2, Đ79 – luật DN)

(Lưu ý: Nếu đề bài thay thế Giám đốc bằng cổ đông, thành viên HĐQT, Ban kiểm soát cũng trả lời như trên).

8/ Giám đốc (Tổng giám đốc) là người đại diện theo pháp luật của Cty cổ phần.

→ **Sai.** Vì trường hợp điều lệ Cty không quy định Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật, thì Giám đốc (Tổng giám đốc) là người đại diện theo PL của công ty (K1, Đ85 - luật DN).

9/ Giám đốc (Tổng giám đốc) Cty cổ phần có thể là người ngoài công ty.

→ **Sai.** Vì HĐQT bổ nhiệm 1 người trong số họ hoặc người khác làm Giám đốc (Tổng giám đốc) Cty. Chủ tịch HĐQT có thể kiêm Giám đốc (Tổng giám đốc) công ty. (K1, Đ85 - luật DN)

10/ Chủ tịch HĐQT có quyền ra quyết định bãi nhiệm thành viên của HĐQT khi thành viên đó vi phạm.

→ **Sai.** Vì theo điểm b, K2, Đ70 – luật DN quy định: " Đại hội đồng cổ đông mới có quyền bãi nhiệm thành viên của HĐQT "; hoặc theo K2, Đ84 - luật DN: " Thành viên HĐQT bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông".

11/ Cổ phần là một phần vốn điều lệ của Cty cổ phần.

→ **Sai.** Vì vốn điều lệ phải được chia làm nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần (theo điểm a khoản 1 điều 51 - luật DN)

12/ Cty cổ phần được phát hành chứng khoán để huy động vốn trong mọi trường hợp.

→ **Sai.** Vì Cty cổ phần có quyền phát hành chứng khoán ra công chúng theo quy định của pháp luật về chứng khoán. (Theo K2, Đ51 - luật DN).

13/ Cổ phần phổ thông là cổ phần phải có trong Cty cổ phần.

→ **Đúng.** (theo quy định tại K1, Đ52 – luật DN ngày 12/6/99).

TRẮC NGHIỆM: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN 1 THÀNH VIÊN

Những khẳng định sau đây đúng hay sai ? Tại sao ?

1/ Mọi tổ chức có thể là chủ sở hữu của Cty TNHH 1 thành viên.

→ **Sai.** Vì theo quy định tại Đ14 – NĐ: 03/2000/NĐ-CP ngày 3/2/2000 của CP: " Tổ chức là chủ sở hữu cty TNHH 1 thành viên quy định tại điều 46 của luật DN phải là pháp nhân, bao gồm 17 trường hợp. (Lưu ý: Nếu là câu hỏi độc lập thì kể tên 17 trường hợp ra).

2/ Trong mô hình chủ tịch công ty, Giám đốc công ty là người đại diện theo pháp luật.

→ **Đúng.** Vì theo quy định tại K4, Đ18 – NĐ: 03/2000/NĐ-CP ngày 3/2/2000 của CP: " Trường hợp áp dụng mô hình chủ tịch công ty thì Giám đốc (Tổng GD) công ty là người đại diện theo pháp luật của công ty".

3/ Chủ sở hữu công ty có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp rút phần vốn đã góp trong công ty.

→ **Sai.** Vì chủ sở hữu công ty không được trực tiếp rút một phần hoặc toàn bộ số vốn đã góp vào công ty (theo K1, Đ48 - luật DN). Chủ sở hữu Cty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn cho tổ chức hoặc cá nhân khác (K2, Đ48 - luật DN).

4/ Cty TNHH 1 thành viên phải có Hội đồng thành viên (hoặc HĐQT)

→ **Sai.** Vì theo K1, Đ49 - luật DN và K1, Đ16 – NBĐ: 03/2000/NĐ-CP ngày 3/2/2000 của CP quy định: " Tùy thuộc quy mô và ngành, nghề KD, cơ cấu tổ chức quản lý nội bộ của Cty TNHH 1 thành viên bao gồm: Hoặc là Hội đồng quản trị (HĐQT) và Giám đốc (TGD) gọi tắt là mô hình HĐQT; hoặc là Chủ tịch Cty và Giám đốc (TGD) gọi là mô hình chủ tịch công ty".

5/ Chủ tịch Cty có quyền cách chức Giám đốc (TGD) khi họ có vi phạm nghiêm trọng gây thiệt hại cho Cty.

→ **Sai.** Vì theo quy định tại điểm b, K1, Đ47 - luật DN: " hủ sở hữu công ty mới có quyền cách chức Giám đốc (TGD)". Còn Chủ tịch Cty chỉ có quyền kiến nghị với chủ sở hữu Cty về việc cách chức Giám đốc (TGD) (theo điểm b, K3, Đ18 của NBĐ:03/2000/NĐ-CP – 3/2/2000 của CP).

TRẮC NGHIỆM: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN 2 THÀNH VIÊN

Những khẳng định sau đây đúng hay sai ? Tại sao ?

1/ Khi thành viên Cty TNHH 2 thành viên chết thì người thừa kế của thành viên đó đương nhiên trở thành thành viên của Cty.

→ **Sai.** Vì khi thành viên Cty TNHH chết người thừa kế của thành viên đó có thể trở thành thành viên của Cty nếu được Hội đồng thành viên (HĐTV) chấp thuận (theo quy định tại K1, Đ33 - luật DN).

2/ Người thừa kế của thành viên trong Cty không được HĐTV chấp thuận thì phần vốn góp của thành viên đó công ty phải trả lại cho người thừa kế.

→ **Sai.** Vì theo K3, Đ33 - luật DN quy định: Trong trường hợp người thừa kế của thành viên trong Cty không được HĐTV chấp thuận thì phần vốn góp của thành viên đó được công ty mua lại theo quy định tại điều 31 của luật DN hoặc được chuyển nhượng theo điều 32 của luật DN.

3/ HĐTV là cơ quan quyết định cao nhất của công ty.

→ **Đúng.** Vì HĐTV gồm tất cả thành viên, là cơ quan quyết định cao I của Cty. (K1, Đ35 - luật DN).

4/Giám đốc của Cty có quyền thông qua hợp đồng vay có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Cty.

→ **Sai.** Vì đó là thẩm quyền của HĐTV (theo điểm d, K2, Đ35 - luật DN)

5/ Nhiệm kỳ của chủ tịch HĐTV là 5 năm.

→ **Sai.** Vì nhiệm kỳ của chủ tịch HĐTV không quá 3 năm. (theo K3, Đ36 - luật DN)

6/Thành viên Cty có quyền khởi kiện Giám đốc (TGD) khi họ không thực hiện đúng nghĩa vụ và gây thiệt hại cho thành viên Cty.

→ **Đúng.** (Theo quy định tại điểm g, K1, Đ29 - luật DN)

7/ Thành viên Cty có quyền yêu cầu Cty mua lại phần vốn của mình nếu phân phối bằng văn bản, quyết định của HĐTV về việc tổ chức lại Cty.

→ **Đúng.** (Theo quy định tại điểm b, K1, Đ31 - luật DN)

8/ Giám đốc (TGD) công ty là người đại diện theo pháp luật của công ty.

→ **Sai.** Vì trong trường hợp Điều lệ Cty không quy định chủ tịch HĐTV là người đại diện theo pháp luật, thì Giám đốc (TGD) là người đại diện theo PL của Cty. (theo K1, Đ41 - luật DN)

9/ Giám đốc Cty có quyền cách chức kế toán trưởng.

→ **Sai.** Vì đó là thẩm quyền của HĐTV (theo điểm đ, K2, Đ35 và điểm đ, K2, Đ41 - luật DN)

10/ Cty TNHH không được quyền phát hành trái phiếu.

→ **Sai.** Vì Cty TNHH không được quyền phát hành cổ phiếu. (Theo K2, Đ26 - luật DN)

11/ Cty TNHH được quyền phát hành trái phiếu.

→ **Đúng.** Vì Cty TNHH chỉ không được quyền phát hành cổ phiếu. (Theo K2, Đ26 - luật DN)

12/ Cty TNHH không được quyền phát hành cổ phiếu.

→ **Đúng.** (Theo quy định tại K2, Đ26 - luật DN)

13/ Cty TNHH được quyền phát hành cổ phiếu.

→ **Sai.** Vì Cty TNHH không được quyền phát hành cổ phiếu. (Theo K2, Đ26 - luật DN)

14/ Cty TNHH được quyền phát hành các loại chứng khoán.

→ **Sai.** Vì Cty TNHH chỉ được quyền phát hành trái phiếu.

15/ Cty TNHH không được quyền phát hành các loại chứng khoán.

→ **Đúng.** Vì Cty TNHH chỉ được quyền phát hành 1 loại chứng khoán (trái phiếu)

16/ Cty TNHH được quyền phát hành chứng khoán.

→ **Đúng.** Vì Cty TNHH được quyền phát hành trái phiếu.

17/ Cty TNHH không được quyền phát hành chứng khoán.

→ **Sai.** Vì Cty TNHH chỉ không được quyền phát hành cổ phiếu. (Theo K2, Đ26 - luật DN)

18/ Việc chuyển nhượng phần vốn góp giữa các thành viên trong Cty TNHH 2 thành viên được chuyển nhượng tự do.

→ **Sai.** Vì theo quy định tại điểm b, K1, Đ26 - luật DN: Phần vốn góp của thành viên chỉ được chuyển nhượng theo quy định tại điều 32 của luật DN. Cụ thể như sau: Thành viên cty TNHH có quyền chuyển nhượng 1 phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình cho người khác theo quy định sau đây:

+ Thành viên muốn chuyển nhượng 1 phần hoặc toàn bộ phần vốn góp phải chào bán phần vốn đó cho tất cả thành viên còn lại theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của họ trong công ty với cùng điều kiện.

+ Chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là thành viên nếu các thành viên còn lại của công ty không mua hoặc mua không hết.

TRẮC NGHIỆM: CÔNG TY HỢP DANH

Những khẳng định sau đây đúng hay sai ? Tại sao ?

1/ Thành viên hợp danh không được đồng thời là thành viên hợp danh của Cty Hợp danh khác.

→ **Đúng.** (Theo quy định tại điểm e, K2, Đ27 – NĐ: 03/2000/NĐ-CP ngày 3/2/2000 của CP).

2/ Thành viên của Cty hợp danh có thể là cá nhân, tổ chức.

→ **Sai.** Vì thành viên hợp danh phải là cá nhân, có trình độ chuyên môn và uy tín nghề nghiệp, và phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về các nghĩa vụ của công ty. (Theo quy định tại điểm b, K1, Đ95 – luật DN ngày 12/6/99)

3/ Một cá nhân chỉ được làm chủ sở hữu một DN tư nhân hoặc thành viên hợp danh của Cty Hợp danh.

→ **Đúng.** (Theo K6, Đ1 của NĐ số: 125/2004/NĐ-CP – 19/5/2004 của CP V/v sửa đổi, bổ sung 1 số điều của NĐ:03/2000/NĐ-CP – 3/2/2000 của CP).

4/ Cty Hợp danh được phát hành chứng khoán.

→ **Sai.** Vì Cty Hợp danh không được phát hành bất kỳ loại chứng khoán nào (Theo K2, Đ95 – luật DN).

5/ Cty Hợp danh theo luật DN Việt Nam giống Cty Hợp danh trên thế giới.

→ **Sai.** Vì Cty Hợp danh (HD) ở VN được tồn tại dưới 2 loại: Cty HD có tất cả thành viên đều là thành viên hợp danh hoặc Cty HD có cả thành viên hợp danh và thành viên góp vốn (K1, Đ26 – NĐ:03/2000/NĐ-CP ngày 3/2/2000 của CP). Còn Cty HD trên TG là Cty trong đó chỉ bao gồm các thành viên hợp danh. Các thành viên cùng nhau liên đới chịu trách nhiệm vô hạn về các khoản nợ của Cty.

6/ Cty Hợp danh có tư cách pháp nhân.

→ **Sai.** Vì theo Điều 94 của Bộ luật Dân sự ngày 28/10/95 quy định: "Một tổ chức được công nhận là pháp nhân khi có đủ các điều kiện sau:

+ Được cquan N² có thẩm quyền thành lập, cho phép thành lập, đăng ký hoặc công nhận.

+ Có cơ cấu tổ chức chắc chắn.

+ Có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản đó.

+ Nhân danh mình tham gia các quan hệ pháp luật 1 cách độc lập."

Do đó Cty HD không có tư cách pháp nhân vì thành viên hợp danh phải là cá nhân, số lượng từ hai người trở lên, có trình độ chuyên môn tương ứng, có uy tín nghề nghiệp và phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về các nghĩa vụ của Cty. (Theo quy định tại điểm a, b, K1, Đ95 – luật DN).

TRẮC NGHIỆM: TỔNG HỢP

Những khẳng định sau đây đúng hay sai ? Tại sao ?

1/ Chủ thể chủ yếu của luật Kinh tế là các Doanh nghiệp.

→ **Sai.** Vì chủ thể chủ yếu của luật Kinh tế gồm có:

a/ Chủ thể cơ bản thường xuyên của luật Kinh tế là các Doanh nghiệp.

b/ Chủ thể không thường xuyên của luật Kinh tế là các cơ quan quản lý Nhà nước về kinh tế.

Ngoài ra còn có chủ thể có điều kiện của luật kinh tế. Đó là các cơ quan hành chính sự nghiệp như: trường học, bệnh viện, viện nghiên cứu.... Tuy không có chức năng hoạt động SXKD nhưng trong quá trình hoạt động xuất hiện nhiều mối quan hệ kinh tế phục vụ cho hoạt động của đơn vị mình thể hiện bằng các hợp đồng kinh tế, các tổ chức này chỉ là chủ thể của luật kinh tế khi chúng tham gia ký kết hợp đồng kinh doanh với các doanh nghiệp nhằm thực hiện chức năng, nhiệm vụ mà Nhà nước giao cho.

2/ Để trở thành chủ thể của luật kinh tế phải có đủ tài sản.

→ **Sai.** Vì để trở thành chủ thể của luật kinh tế cần phải có đủ 03 điều kiện:

+ Được thành lập hợp pháp.+ Có tài sản.+ Có thẩm quyền kinh tế.

3/ Luật kinh tế sử dụng kết hợp 02 phương pháp: mệnh lệnh quyền uy và bình đẳng thỏa thuận.

→ **Sai.** Vì p² mệnh lệnh chủ yếu dùng để điều chỉnh những quan hệ phát sinh giữa cơ quan quản lý N² về KT với các DN. Còn p² bình đẳng chủ yếu dùng để điều chỉnh những quan hệ phát sinh trong quá trình SXKD giữa các DN bình đẳng với nhau. Riêng những quan hệ phát sinh trong nội bộ của một DN thì dùng cả 2 p² điều chỉnh trên.

4/ Trường Đại học khoa học Huế là chủ thể của luật kinh tế.

→ **Sai.** Để trở thành chủ thể của luật kinh tế cần phải có đủ 03 điều kiện:

+ Được thành lập hợp pháp.+ Có tài sản.+ Có thẩm quyền kinh tế.

Do trường đại học khoa học Huế được thành lập hợp pháp, có tài sản nhưng không có thẩm quyền kinh tế. Nó chỉ trở thành chủ thể của luật kinh tế khi nó tham gia ký kết hợp đồng kinh doanh với các doanh nghiệp nhằm thực hiện chức năng, nhiệm vụ mà N² giao cho.

5/ Khái niệm luật kinh tế không đồng nghĩa với pháp luật kinh tế.

→ **Đúng.** Vì

* Pháp luật kinh tế là 1 khái niệm tổng hợp, bao gồm toàn bộ các văn bản pháp luật, thuộc nhiều ngành luật khác nhau liên quan đến sự vận hành và quản lý nền kinh tế. Những quan hệ kinh tế do pháp luật KT điều chỉnh rất đa dạng và phong phú, gồm nhiều ngành luật như: Luật kinh tế, Luật Lao động, Luật Đất đai, Luật Môi trường, Luật tài chính - Ngân hàng....

* Luật kinh tế chỉ là 1 bộ phận của pháp luật kinh tế. Nó là 1 ngành luật độc lập có đối tượng điều chỉnh, p² điều chỉnh và hệ thống chủ thể riêng.

6/ Trung tâm giáo dục thường xuyên An Giang là 1 doanh nghiệp.

→ **Sai.** Vì Doanh nghiệp là tổ chức kinh tế có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch ổn định, được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh (SX, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lợi) (Theo quy định tại Điều 3 - luật DN - 12/6/99).

7 Cá nhân có đủ năng lực hành vi dân sự và tổ chức có tư cách pháp nhân là chủ thể của luật kinh tế.

→ **Sai.** Vì chủ thể của luật kinh tế là những cá nhân, tổ chức có đủ điều kiện (Được thành lập hợp pháp, có tài sản, có thẩm quyền kinh tế) để tham gia vào những quan hệ do luật kinh tế điều chỉnh.

8/ Luật Doanh nghiệp điều chỉnh tất cả các loại hình doanh nghiệp của Việt Nam.

→ **Sai.** Vì luật Doanh nghiệp – ngày 12/6/99 chỉ điều chỉnh trực tiếp các loại hình Doanh nghiệp như: DNTN, Cty cổ phần, Cty TNHH 1 thành viên, Cty TNHH có 2 thành viên trở lên, Cty Hợp danh. Còn DNNN được điều chỉnh trực tiếp bởi luật DN – 26/11/03; DN tập thể được điều chỉnh trực tiếp bởi luật Hợp tác xã – 26/11/03; DN liên doanh và DN 100% vốn đầu tư nước ngoài được điều chỉnh trực tiếp bởi Luật Đầu tư nước ngoài tại VN được sửa đổi, bổ sung ngày 9/6/2000.

9/ Vốn pháp định là số vốn ghi trong điều lệ khi thành lập công ty .

→ **Sai.** Vì vốn pháp định là mức vốn tối thiểu phải có theo quy định của pháp luật để thành lập DN (Theo Đ3 - luật DN – 12/6/99).

10/ Quan hệ tài sản trong luật Dân sự và quan hệ tài sản trong Luật Kinh tế giống nhau.

→ **Sai.** Vì

* Qhệ tài sản DS là đối tượng điều chỉnh của luật Dân sự phát sinh trong những qhệ KT cụ thể của quá trình SX, phân phối lưu thông, dịch vụ giữa các chủ thể.

* Qhệ tài sản KT là đối tượng điều chỉnh của luật Kinh tế phát sinh trực tiếp trong quá trình hoạt động SXKD giữa các chủ thể.

- Mục đích:

+ DS: Sinh hoạt, tiêu dùng.

+ KT: Kinh doanh → m: sinh lợi.

- Chủ thể:

+ DS: Cá nhân, pháp nhân.

+ KT: Pháp nhân hoặc cá nhân có đăng ký KD.

- Hình thức:

+ DS: Bằng miệng, văn bản, hành vi thực tế.

+ KT: Bằng văn bản.

- Tranh chấp:

+ DS: Chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình.

+ KT: Chịu trách nhiệm bằng tài sản của đơn vị KD.

- Khởi kiện:

+ DS: Tòa án dân sự thụ lý.

+ KT: Tòa án kinh tế thụ lý.

11/ Quan hệ nợ nần trong DNTN là quan hệ giữa chủ nợ với chủ DN. Còn qhệ nợ nần trong Cty TNHH hoặc cổ phần là qhệ giữa chủ nợ với công ty .

→ **Đúng.** Vì chủ DNTN phải chịu trách nhiệm vô hạn về mọi khoản nợ của DN. Trong DNTN không có sự phân biệt tài sản trong KD và tài sản ngoài KD. Nếu thua lỗ, tài sản trong KD không trang trải hết các khoản nợ thì phải lấy cả tài sản không dùng vào mục đích KD để trả nợ. Đặc điểm này cho phép phân biệt DNTN với Cty cổ phần và Cty TNHH. Có thể nói trong DNTN qhệ

nợ nần của DNTN là qhệ nợ giữa chủ nợ với chủ DN chứ không phải chỉ có chủ nợ với DN. Ngược lại, trong Cty qhệ nợ nần của Cty là qhệ giữa chủ nợ với Cty chứ không phải là qhệ giữa thành viên của Cty với chủ nợ. Do Cty có tư cách pháp nhân nên chỉ có thể chịu trách nhiệm bằng tài sản của Cty. Các thành viên của Cty chỉ chịu trách nhiệm hữu hạn về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Cty trong phạm vi số vốn góp vào Cty.

12/ Cổ phần hóa đồng nghĩa với tư nhân hóa.

→ **Sai.** Vì

* Cổ phần hóa là quá trình chuyển các doanh nghiệp thuộc sở hữu N² thành Cty cổ phần thuộc sở hữu của các cổ đông. Hầu hết trong các DNNN, khi cổ phần hóa N² cũng luôn là 1 cổ đông (giữ 1 số cổ phần I định trong Cty cổ phần, chỉ trừ các DN mà N² không tham gia cổ phần). Trường hợp DNNN cổ phần hóa, mà N² có cổ phần chi phối trong DN (cổ phần của N² chiếm trên 50% tổng số cổ phần của DN hoặc cổ phần của N² ít I gấp 2 lần số cổ phần của cổ đông lớn I khác trong DN) thì DN đó thực chất vẫn ở trong sự kiểm soát của N².

* Tư nhân hóa là quá trình chuyển các DN thuộc sở hữu của N² thành các DN thuộc sở hữu tư nhân bằng cách bán toàn bộ cổ phần của DN thuộc sở hữu một phần hay hoàn toàn của N² cho một số cá nhân hay một nhóm nhà đầu tư thông qua đấu thầu có tính cạnh tranh hay những người mua đã xác định trước.

13/ Luật Doanh nghiệp không điều chỉnh tất cả các loại hình doanh nghiệp ở Việt Nam.

→ **Đúng.** Vì trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần ở Việt nam hiện nay chỉ có 8 loại hình DN thuộc các thành phần kinh tế khác nhau.

Luật Doanh nghiệp – ngày 12/6/99 chỉ điều chỉnh trực tiếp 4 loại hình Doanh nghiệp, đó là: DNTN; Cty cổ phần; Cty TNHH gồm 02 loại: Cty TNHH 1 thành viên, Cty TNHH có 2 thành viên trở lên; và Cty Hợp danh. Còn DNNN được điều chỉnh trực tiếp bởi luật DNNN – 26/11/03; DN tập thể (HTX) được điều chỉnh trực tiếp bởi luật Hợp tác xã – 26/11/03; DN liên doanh và DN 100% vốn đầu tư nước ngoài được điều chỉnh trực tiếp bởi Luật Đầu tư nước ngoài tại VN được sửa đổi, bổ sung ngày 9/6/2000.

14/ Cá nhân nước ngoài được phép thành lập DN tại Việt Nam.

→ **Sai.** Vì chỉ có người nước ngoài thường trú tại Việt nam mới có quyền thành lập DN tại Việt Nam theo qui định của luật Doanh nghiệp (K8, Đ9 - luật DN năm 1999 và K2, Đ8 của ND: 03/2000/ND-CP ngày 3/2/2000 của CP).

15/ Người Việt Nam định cư ở nước ngoài có quyền thành lập DN tại Việt Nam theo quy định của luật DN.

→ **Đúng.** (Theo K2, Đ8 của ND số: 03/2000/ND-CP và Đ9 - luật DN năm 1999).

16/ Người kinh doanh dịch vụ môi giới chứng khoán phải có chứng chỉ hành nghề.

→ **Đúng** (Theo điểm e, K2, Đ6 của ND: 03/2000/ND-CP ngày 3/2/2000 của CP).

17/ Kinh doanh vàng đòi hỏi phải có vốn pháp định.

→ **Đúng.** Vì đối với các DN kinh doanh ngành nghề mà pháp luật quy định phải có vốn pháp định tính đến ngày 31/12/99 là: KD vàng, KD tiền tệ tín dụng, KD dịch vụ bảo hiểm các loại, KD môi giới và bảo lãnh phát hành chứng khoán,....

18/ Tài sản chung của vợ chồng được coi là tài sản của chủ Doanh nghiệp trong mọi trường hợp.

→ **Sai.** Vì tài sản chung của vợ chồng được coi là tài sản của chủ DN khi việc dùng tài sản chung để đầu tư kinh doanh phải được vợ chồng bàn bạc, thỏa thuận. (K3, Đ28 của luật HN & GD được ban hành ngày 9/6/2000 có hiệu lực từ ngày 1/1/2001.

19/ Cty TNHH 2 thành viên là loại hình trung gian giữa Cty đối nhân và Cty đối vốn.

→ **Đúng.** Vì Cty TNHH 2 thành viên là loại Cty nhỏ, số lượng thành viên ít và thường có sự quen biết nhau, mặc khác các thành viên chỉ chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi phần vốn góp, Cty TNHH có tư cách pháp nhân.

+ Cty TNHH 2 thành viên giống Cty đối nhân ở một số đặc điểm:

.- Các thành viên Cty có sự quen biết, tin cậy lẫn nhau. Trong Cty điều mà các thành viên quan tâm đến là nhân thân của mỗi người.

- Trong Cty hợp vốn đơn giản: Thành viên góp vốn chịu trách nhiệm hữu hạn, còn thành viên nhận vốn chịu trách nhiệm vô hạn.

+ Cty TNHH 2 thành viên giống Cty đối vốn ở một số đặc điểm:

- Các thành viên Cty đối vốn chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của Cty trong phạm vi phần vốn góp vào Cty (trách nhiệm hữu hạn).

- Cty đối vốn có tư cách pháp nhân.

☞ Do đó, Cty TNHH 2 thành viên là Cty đối vốn nhưng mang tính chất "trọng nhân" hay chính xác hơn Cty TNHH 2 thành viên là loại hình trung gian giữa Cty đối nhân và Cty đối vốn.

20 Người chưa thành niên không được góp vốn vào công ty.

→ **Đúng.** Vì theo quy định tại K1, Đ10 của luật DN – 12/6/99 thì luật DN không cấm người chưa thành niên góp vốn vào DN. Tuy nhiên, các giao dịch lớn về tài sản của người chưa thành niên phải được thực hiện thông qua người giám hộ theo các quy định từ điều 67 - điều 83 của Bộ luật Dân sự - 28/10/95. Như vậy, người chưa thành niên không thể trực tiếp góp vốn vào DN mà phải thông qua người giám hộ. Khi đó, người giám hộ là người chịu trách nhiệm và thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan đến việc góp vốn. Theo quy định tại điều 79 - Bộ luật Dân sự thì việc góp vốn này còn phải được sự đồng ý của UBND xã, phường, thị trấn nơi người giám hộ cư trú./

BÀI TẬP LKT- Tổng hợp

BÀI TẬP LUẬT KINH TẾ - DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

Bài 1: Ông A đứng ra thành lập DNTN " Hải Âu" KD ở lĩnh vực điện tử với số vốn đầu tư ban đầu là 300 triệu đồng. Ông A có người bạn thân là B rất am hiểu lĩnh vực KD này nên A đã mời B đến làm việc và giao cho chức vụ giám đốc thay A điều hành DN. Sau 1 time KD, DNTN "Hải Âu" bị thua lỗ phát sinh số nợ 500 triệu đồng.

a/ Trách nhiệm về việc thanh toán các khoản nợ của DNTN thuộc về ai ? Vì sao ?

b/ Trường hợp B làm trái với sự phân công của A thì trách nhiệm thanh toán thuộc về ai ? Biết rằng, ngoài vốn KD ra thì A còn có tài sản trị giá 150 triệu đồng, B có tài sản trị giá 50 triệu đ.

Trả lời:

a/ A phải chịu trách nhiệm vô hạn về các khoản nợ của DN. Vì A là chủ DNTN và phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của DN. (theo Điều 99 của Luật DN – 12/6/1999).

b/ + Trường hợp B làm trái với sự phân công của A thì A vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán với chủ nợ. (Vì theo quy định tại K2, Đ101 - luật DN năm 1999 thì chủ DNTN có thể trực tiếp hay gián tiếp quản lý, điều hành hoạt động KD của DN nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về mọi hoạt động KD của DN).

+ B chịu trách nhiệm về việc làm của mình do trái với sự phân công của A (việc này được giải quyết dựa theo hợp đồng LĐ đã được ký kết giữa A với B → Tòa dân sự).

Bài 2: Ông A kết hôn với bà B có 1 người con trai là C 18 tuổi. Hai ông, bà có số tài sản chung trị giá 400 tr đ. Sau đó A đã bàn với B thành lập DNTN "Thiên An" Kh lĩnh vực VLXD với vốn đầu tư ban đầu là 350 tr đ. Tháng 10/2002 ông A bị tai nạn giao thông và chết không để lại di chúc. Vậy bà B có đương nhiên trở thành chủ DNTN không ? Vì sao ?

Trả lời:

Tài sản chung của hai vợ chồng : 400 tr

Tài sản trong KD : 350 tr

Bà B không thể đương nhiên trở thành chủ DNTN được.

Vì khi ông A chết (không có để lại di chúc) thì:

- Tài sản chung được chia thành 2 phần: A: 200 tr ,B: 200 tr

- Do A chết không để lại di chúc nên theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 679 của BLDS – 28/10/1995 thì tài sản của A sẽ được chia cho hàng thừa kế thứ I gồm B và C.

A: 200 tr (B: 100 tr , C: 100 tr)

→ Số tài sản của B: 200 + 100 = 300 tr

Số tài sản của C: = 100 tr

Vì vốn trong KD của DNTN "Thiên An" là: 350 tr nên:

+ Nếu B thỏa thuận với C: B mượn C: 50 tr đ hoặc B vay của ngân hàng: 50 tr đ → B đăng ký việc thay đổi tên chủ sở hữu DN với cơ quan ĐKKD, DNTN "Thiên An" vẫn giữ nguyên. Khi đó B sẽ đương nhiên làm chủ DNTN "Thiên An" (Do tài sản của B trị giá : 350 tr đ)

+ B thông báo giải thể DNTN "Thiên An" (do B có quyền quản lý tài sản chung của vợ chồng khi chồng chết theo quy định tại K2, Đ31 - Luật HN & GD – 9/6/2000). Sau đó B với C góp vốn lại thành lập Cty TNHH 2 thành viên (nếu C muốn KD). Do vốn góp của B là 300 tr; C: 50 tr nên B có thể làm chủ tịch HĐQT và có thể kiêm giám đốc Cty hoặc bộ nhiệm C làm giám đốc Cty.

Bài 3: Ông A và bà B kết hôn vào năm 1986, trước khi kết hôn bà B được hưởng thừa kế của ông chú để lại trong di chúc là 100 tr đ, số tiền này bà B gửi vào ngân hàng. Trong quá trình sống chung, A và B đã tạo dựng được tài sản chung trị giá là 300 tr đồng. Tháng 5/2002 ông A đã bàn với bà B thành lập DNTN do A đứng tên KD lĩnh vực điện tử với số vốn đầu tư ban đầu là 200 tr đ. Sai 1 time hoạt động KD, DN của A bị thua lỗ và nợ với số tiền là 400 tr đ. Bằng kiến thức và lý luận thực tiễn. Anh (chị) cho biết:

a/ Trách nhiệm của ông A phải chịu như thế nào về các khoản nợ của DN ? Vì sao?

b/ Trong trường hợp bà B không chịu bán tài sản chung để thanh toán nợ thì giải quyết về mặt pháp lý như thế nào?

c/ Hướng xử lý cụ thể sự việc trên ?

Trả lời:


Tài sản riêng của bà B (trước khi kết hôn) : 100 tr


Tài sản chung của hai vợ chồng : 300 tr

Tài sản trong KD : 200 tr
a/ Ông A phải chịu trách nhiệm vô hạn về các khoản nợ của DN. Vì A là chủ DNTN và phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của DN. (theo Điều 99 của Luật DN - 12/6/1999).

b/ Trong trường hợp bà B không chịu bán tài sản chung để thanh toán nợ thì cơ quan có thẩm quyền sẽ ra quyết định cưỡng chế. Vì khi thành lập DNTN ông A và bà B đã có sự bàn bạc trước với nhau nên tất cả tài sản trong và ngoài KD đều phải lấy để thanh toán nợ (Theo K3, Đ28 - Luật HN & GD - 9/6/2000 qui định: "Việc dùng tài sản chung để đầu tư KD phải được vợ chồng bàn bạc, thỏa thuận,...". Tuy nhiên, không được lấy tài sản riêng của bà B là 100 tr đồng để trả nợ (vì theo qui định tại K1, Đ32 - Luật HN & GD - 9/6/2000: "Tài sản riêng của vợ, chồng gồm tài sản mà mỗi người có trước khi kết hôn").

c/ Tài sản chung của hai vợ chồng : 300 tr
Tài sản trong KD : 200 tr
Tài sản chung ngoài KD : 300 tr - 200 tr = 100 tr

 tài sản : 300 tr ■  nợ: 400 tr

Nếu DNTN của ông A bị thua lỗ kéo dài, không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn sau khi đã áp dụng các biện pháp tài chính cần thiết  DNTN của Ông A lâm vào tình trạng phá sản (theo luật Phá sản DN - 30/12/1993).

Vì vậy, ông A hoặc chủ nợ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đ/v DN của ông A và gửi đến Tòa án ND cấp tỉnh nơi DNTN của A đăng ký KD. Tòa án tiến hành thủ tục phá sản đ/v DNTN của ông A và ra quyết định mở thủ tục thanh lý tài sản đ/v DNTN của A.

Do tài sản của ông A chỉ có 300 tr đ không đủ để thanh toán khoản nợ 400 tr đ nên mỗi chủ nợ chỉ được thanh toán một phần khoản nợ của mình theo tỷ lệ

tương ứng với tổng số tiền trả nợ là 300 tr đ, còn lại khoản nợ chưa trả hết là 100 tr đ ông A vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ. (vì ông A là chủ DNTN nên phải chịu trách nhiệm vô hạn về các khoản nợ của DN).


BÀI TẬP LUẬT KINH TẾ - TỔNG HỢP


Bài 1: *Hãy xác định các dấu hiệu sau đây, dấu hiệu nào là Doanh nghiệp NN (DNNN), Doanh nghiệp tư nhân (DNTN), Công ty cổ phần (Cty CP), Cty TNHH 1 thành viên, Cty TNHH có 2 thành viên, Cty Hợp danh theo luật Doanh nghiệp.*


1/ Là loại hình trung gian giữa Cty đối nhân và Cty đối vốn.



 **Cty TNHH 1 thành viên.**

2/ Vốn điều lệ được chia làm nhiều phần bằng hoặc không bằng nhau.  **Cty TNHH 2 thành viên.**

3/ Không có tư cách pháp nhân.  **DNTN, Cty Hợp danh.**


4/ Chịu sự điều chỉnh của Luật doanh nghiệp.  **DNTN, Cty CP, Cty TNHH 1 thành viên, Cty TNHH có 2 thành viên, Cty Hợp danh.**

5/ Được phát hành chứng khoán để huy động vốn trong kinh doanh.  **Cty CP, Cty TNHH 1 thành viên, Cty TNHH có 2 thành viên (trái phiếu).**

6/ Quản lý, điều hành DN phải có Ban kiểm soát.  **Cty CP ( 12 cổ đông), Cty TNHH (có từ 12 thành viên đến 50 thành viên).**

7/ Là chủ thể kinh doanh độc lập trên thương trường.

 **Tất cả các loại hình doanh nghiệp trên.**

8/ Do 1 chủ sở hữu thành lập.  **DNNN, DNTN, Cty TNHH 1 thành viên.**

9/ Chịu trách nhiệm vô hạn về các khoản nợ của doanh nghiệp bằng toàn bộ tài sản của mình.

 **DNTN (chủ DN), Cty Hợp danh (thành viên hợp danh).**

10/ Chủ doanh nghiệp là 1 tổ chức. 🐼 **DNNN, Cty**

TNHH 1 thành viên.

BÀI TẬP LUẬT KINH TẾ - CÔNG TY HỢP DANH

Cty Hợp danh Phúc, Lộc, Thọ có 3 thành viên hợp danh góp vốn thành lập. Trong đó Phúc góp 50% vốn, Lộc góp 40% vốn và Thọ góp 10% vốn. Sau 1 time hoạt động, Phúc đã đề nghị chuyển phần vốn góp cho em trai là Hậu. Đồng thời Phúc yêu cầu Cty phải đổi tên khác không được lấy tên mình ghép vào tên Cty. Việc đề nghị chuyển nhượng vốn của Phúc được Lộc chấp thuận nhưng Thọ không đồng ý. Việc yêu cầu đổi tên Cty không được các thành viên chấp thuận, vì theo Lộc và Thọ uy tín của Cty đã gắn liền với tên "Phúc Lộc Thọ". Dựa vào các quy định của pháp luật. Anh (chị) hãy cho biết:

1/ Hậu có thể trở thành thành viên của Cty khi có sự đồng ý của Lộc không? (Phúc và Lộc chiếm 90 % VĐL) ? Vì sao?

2/ Việc đề nghị Cty đổi tên của Phúc có đúng với quy định của Pháp luật không?

Trả lời:

Cty Hợp danh: Phúc: 50% VĐL, Lộc: 40% VĐL, Thọ: 10% VĐL

1/ Hậu không thể trở thành thành viên của Cty HD khi có sự đồng ý của Lộc nhưng không có sự đồng ý của Thọ (mặc dù Phúc và Lộc chiếm 90% VĐL).

Vì các thành viên HD có quyền ngang nhau khi quyết định các vấn đề quản lý Cty (theo K2, Đ97 - luật DN - 12/6/99); đồng thời khi biểu quyết mỗi thành viên HD chỉ có 1 phiếu (Theo K1, Đ29 - NĐ số: 03/2000/NĐ-CP ngày 3/2/2000 của CP).

Do đó, Hậu chỉ được tiếp nhận làm thành viên của Cty HD khi phải được tất cả thành viên HD của Cty biểu quyết chấp thuận đồng ý (Theo điểm b, K2, Đ29 -

NĐ:03/2000/NĐ-CP ngày 3/2/2000 của CP), nhưng trong trường hợp này chỉ có Phúc và Lộc chấp thuận, Thọ không chấp thuận.

2/ Việc đề nghị Cty đổi tên của Phúc là đúng với quy định của pháp luật mặc dù các thành viên HD còn của Cty là Lộc và Thọ không chấp thuận (theo K2, Đ32 - NĐ số: 03/2000/NĐ-CP ngày 3/2/2000 của CP) nhưng phải với điều kiện là Phúc rút ra khỏi Cty.

Tuy nhiên, do Phúc là thành viên HD nên Phúc chỉ được quyền rút khỏi Cty HD nếu được đa số thành viên HD còn lại đồng ý. (theo K1, Đ32 - NĐ số: 03/2000/NĐ-CP ngày 3/2/2000 của CP).

Nhưng ở đây chỉ có Lộc đồng ý, Thọ không đồng ý 🐼 Phúc không được quyền rút khỏi Cty 🐼 Phúc không có quyền yêu cầu Cty HD đổi tên.

(Lưu ý: Do Đề bài chỉ nói Phúc đề nghị chuyển nhượng vốn góp của mình cho em trai là Hậu được Lộc đồng ý, Thọ không đồng ý. Đề bài không có nói đến việc Phúc xin rút khỏi Cty có được Lộc và Thọ đồng ý hay không?).

BÀI TẬP LUẬT KINH TẾ - CÔNG TY TNHH 1 thành viên




Bài 1: Ông A là 1 cá nhân muốn đứng ra thành lập Cty TNHH 1 thành viên để hưởng chế độ trách nhiệm hữu hạn nhằm giảm bớt rủi ro KD. Theo qui định của Pháp luật có được không ? Vì sao?

Trả lời:

A không được quyền thành lập Cty TNHH 1 thành viên vì A là 1 cá nhân; đồng thời theo quy định tại K1, Đ46 - luật DN - 12/6/99: "Cty TNHH 1 thành viên là DN do 1 tổ chức làm chủ sở hữu", và theo Đ14 - NĐ số: 03/2000/NĐ-CP ngày 3/2/2000 của CP qui định: "Tổ chức là chủ sở hữu Cty TNHH 1 thành viên qui định tại điều Điều 46 của luật DN phải là pháp nhân" (bao gồm 17 tổ chức).

Bài 2: DNNN A thành lập Cty TNHH 1 thành viên B. Sau đó, Cty TNHH 1 thành viên B không muốn lập chi nhánh mà muốn thành lập tiếp Cty TNHH 1 thành viên C. Theo Anh (chị) có được không ? Vì sao?

Trả lời:

DNNN A  Cty TNHH 1 TV B  Cty TNHH 1 TV C
 Được phép thành lập (theo qui định tại K10, K13, Đ14 của ND số: 03/2000/ND-CP ngày 3/2/2000 của CP).

Bài 3: Ông A và bà B là 2 vợ chồng đứng ra thành lập Cty TNHH 2 thành viên "An Bình". Trong đó, ông A góp 200 trđ, bà B góp 100 trđ. Sau 1 time hoạt động KD, ông A và bà B muốn thành lập thêm Cty TNHH 1 thành viên. Theo quy định của PL có được không ? Vì sao?

Trả lời:

Cty TNHH "An Bình": A-B, VDL: 300 trđ (A: 200 trđ, B: 100 trđ).
ông A và bà B không được phép thành lập thêm Cty TNHH 1 thành viên. Vì A và B chỉ là cá nhân (nhân danh cá nhân) – theo quy định tại K1, Đ46 - luật DN – 12/6/99: "Cty TNHH 1 thành viên là DN do 1 tổ chức làm chủ sở hữu", và theo Đ14 - ND số: 03/2000/ND-CP ngày 3/2/2000 của CP qui định: "Tổ chức là chủ sở hữu Cty TNHH 1 thành viên qui định tại điều Điều 46 của luật DN phải là pháp nhân" (bao gồm 17 tổ chức).
(Lưu ý: Nếu để bài sửa lại: " Cty TNHH "An Bình" đứng ra thành lập thêm Cty TNHH 1 thành viên thì được phép. Vì Cty TNHH "An Bình" là Cty TNHH 2 thành viên nên có tư cách pháp nhân, nhân danh Cty (chứ không phải cá nhân) – theo K13, Đ14 của ND số: 03/2000/ND-CP ngày 3/2/2000 của CP".

BÀI TẬP LUẬT KINH TẾ - CÔNG TY TNHH 2 thành viên

Bài 1: Cty TNHH "Ánh Sao" có VDL là 1 tỷ đồng, do 3 sáng lập viên là: A góp 70% VDL, B góp 20% VDL, C góp 10% VDL. Sau đó, ông A được bầu vào HĐND Tỉnh và được cử làm giám đốc Sở Thương mại. ông A muốn chuyển nhượng phần góp của mình cho em trai là H nhưng B và C không chịu. B và C yêu cầu A chuyển nhượng vốn góp cho mình theo tỉ lệ là B: 50%, C: 50%. A không đồng ý vì theo A ông góp nhiều vốn nên có quyền quyết định những vấn đề quan trọng của Cty. B và C kiện tới cơ quan có thẩm quyền. Hãy cho biết:
a/ Ai đúng ? Ai sai ? Vì sao ?

b/ Cơ quan nào có thẩm quyền giải quyết vụ việc trên ?
c/ Hướng giải quyết như thế nào?

Trả lời:

Cty TNHH "Ánh Sao" - VDL: 300 trđ. Trong đó: A: 70% VDL = 700 trđ, B: 20% VDL = 200 trđ, C: 10% VDL = 100 trđ



a/ Cả hai bên đều sai. Vì

+ A sai. Vì A không chào bán phần vốn góp của mình theo qui định PL (K1, Đ32 - luật DN – 12/6/99) mà chuyển nhượng cho H (người ngoài Cty).

+ B và C cũng sai. Vì B, C đã yêu cầu A chuyển nhượng phần vốn góp của A cho B, C với tỉ lệ tương ứng là 50%, 50%. Theo quy định tại K1, Đ32 - Luật DN thì A chuyển nhượng cho B, C theo tỉ lệ tương ứng với phần vốn góp là: B: 20%, C: 10%.

b/ Tòa Kinh tế thuộc Tòa án ND cấp Tỉnh nơi Cty TNHH "Ánh Sao" đặt trụ sở chính có thẩm quyền giải quyết. Vì đây là tranh chấp v/v chuyển nhượng vốn góp vào Cty giữa các thành viên của Cty TNHH với nhau.

c/ Cách giải quyết:

A = 700 trđ  B: 20% , C: 10%  700 trđ : 3 = 233,33 tr.

Khi đó: B: 233,33 tr x 2 = 466,67 tr.

C: $233,33 \text{ tr} \times 1 = 233,33 \text{ tr}$.

Như vậy:

+ Nếu B không mua hết thì B có quyền chuyển nhượng một phần cho C

+ Nếu C không mua thêm thì B có quyền chuyển nhượng phần đó cho H

(Theo quy định tại K2, Đ32 - luật DN - 12/6/99)

Bài 2: Ông A và bà B kết hôn vào năm 1990. Trong quá trình sống chung, A và B đã tạo dựng được khối tài sản chung trị giá là 600 tr đồng. Tháng 5/2001 ông A và bà B muốn đứng tên 2 người KD lĩnh vực điện tử tại Tỉnh Thừa Thiên Huế. Dựa vào các quy định của pháp luật, Anh (chị) cho biết:

a/ Ông A và bà B có được thành lập DN không? Đó là loại hình DN nào?

b/ Với tư cách là người tư vấn pháp luật. Hãy hướng dẫn thủ tục và điều kiện thành lập DN cho ông A và bà B.

Trả lời:

a/ Ông A và bà B được quyền thành lập DN (theo qui định tại Điều 9 của Luật DN - 12/6/99; và Điều 8 của ND số: 03/2000/NĐ-CP ngày 3/2/2000 của CP.

Loại hình DN: Cty TNHH 2 thành viên (K1, Đ26 - Luật DN).

Tuy nhiên trước khi thành lập DN, ông A và bà B phải lập thành văn bản v/v chia tài sản chung (theo K1, Đ29 - Luật HN & GD - 9/6/2000). Sau khi phân chia tài sản ông A với bà B mới góp vốn thành lập Cty TNHH 2 thành viên - kinh doanh lĩnh vực điện tử.

b/ Thủ tục và điều kiện thành lập Cty TNHH 2 thành viên - KD lĩnh vực điện tử:

+ Ông A và bà B phải lập hồ sơ đăng ký kinh doanh (ĐKKD) theo qui định tại Điều 12 của ND số:

109/2004/NĐ-CP ngày 2/4/2004 của CP, và nộp hồ sơ

này tại phòng ĐKKD cấp Tỉnh (Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế) nơi DN đóng trụ sở chính để được cấp Giấy chứng nhận ĐKKD (theo Đ12 - Luật DN).

+ Hồ sơ ĐKKD (Đ13 - Luật DN) gồm có:

- Đơn ĐKKD (Đ14 - luật DN)

- Điều lệ Cty (Đ15 - Luật DN)

- Danh sách thành viên ((Đ16 - Luật DN)

+ Điều kiện cấp Giấy chứng nhận ĐKKD (theo quy định tại Đ17 - Luật DN).

Sau khi cấp giấy chứng nhận ĐKKD, Cty TNHH của ông A và bà B mới có quyền hoạt động kinh doanh lĩnh vực điện tử tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

CÂU 1: Luật dn 2005 quy định bất kỳ cá nhân nào cũng có quyền góp vốn vào các dn để kd trừ cán bộ công chức nhà nước?

SAI

vì theo khoản 2 điều 13 luật dn quy định các tổ chức cá nhân ko được quyền góp vốn thành lập quản lý dn ngoài cán bộ công chức nhà nước còn có

- cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân VN sử dụng tài sản của để thành lập dn kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan đv mình

- sĩ quan hạ sĩ quan ,quân nhân chuyên nghiệp ,cn quốc phòng trong các cơ quan đơn vị thuộc quân đội ndvn ,sĩ quan hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan đơn

vị thuộc công an nhân dân Việt Nam

CÂU 2: Ông A đứng tên cá nhân ký hợp đồng thuê nhà làm trụ sở theo thỏa thuận của các tv sáng lập, nhưng sau đó công ty TNHH X ko được thành lập thì ông A có phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với hợp đồng thuê nhà đó ko?

CÓ PHẢI CHỊU TRÁCH NHIỆM

vì theo khoản 3 điều 14 luật dn quy định: Trong trường hợp dn ko được thành lập thì người ký kết hợp đồng phải chịu trách nhiệm hoặc liên đới chịu trách nhiệm tài sản về việc thực hiện hợp đồng đó

CÂU 3: Ông M gửi hồ sơ đăng ký thành lập dn tư nhân đến cơ quan đăng ký kd nhưng đã quá 10 ngày mà cơ quan đăng ký kd ko có thông báo bằng văn bản về việc từ chối hay chấp nhận .Vậy ông M có được coi là đã dk kd hợp pháp và hoạt động kinh doanh bình thường theo quy định của pháp luật hay ko?

KHÔNG

Vì theo quy định của pháp luật dn chỉ được phép hoạt động kinh doanh khi có giấy phép kinh doanh hợp pháp của cơ quan nhà nước (cơ quan dk kinh doanh)

CÂU 4: Bà T1, T2, T3 cùng nhau góp vốn thành lập công ty TNHH X .Khi lập danh sách các thành viên công ty để dk kinh doanh bà T1 cho rằng danh sách chỉ cần có chữ ký của bà là người đại diện theo pháp luật của công ty mà ko cần chữ ký của các thành viên còn lại vẫn được coi là hợp pháp SAI

CÂU 5: Khi chị A góp vốn bằng giá trị quyền sd đất vào công ty trách nhiệm hữu hạn T có phải làm

thủ tục chuyển quyền sd đất cho công ty trách nhiệm hữu hạn T hay ko?

CÓ

vì Theo khoản 1 điều 29 luật dn quy định: đối với tài sản có dk hoặc giá trị quyền sd đất thì người góp vốn phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản đó hoặc quyền sd đất cho công ty tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền

CÂU 6: Anh K dùng 1 số tài sản là trái phiếu ko ghi danh trị giá 500 triệu đồng để góp vốn vào công ty cổ phần ô tô vận tải X .Vậy trong trường hợp này anh K có phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản đó cho công ty X tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền ko?

KHÔNG

Vì theo mục b, khoản 1 điều 19 quy định đối với những tài sản ko dk quyền sở hữu việc thực hiện góp vốn được thực hiện bằng việc giao nhận tài sản góp vốn có xác nhận bằng biên bản. Ko thấy nhắc đến việc phải làm thủ tục tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Ở đây K sử dụng trái phiếu ko ghi danh để góp vốn tức là tài sản ko dk bản quyền

CÂU 7: A tham gia vào công ty trách nhiệm hữu hạn X bằng cách góp vốn bằng cổ phần mà A nắm giữ tại công ty cổ phần K .Vậy việc A dùng cổ phần của công ty cổ phần K mà mình đang sở hữu để góp vốn vào công ty X như trường hợp nêu trên có được coi là đúng quy định pháp luật hiện hành ko?

KO

CÂU 8: Ông T đã thành lập dn tư nhân T mang tên mình .Vậy sau khi dn tư nhân T đăng kí kd tại cơ quan có thẩm quyền thì ông T có phải làm thủ tục

chuyển quyền sở hữu tài sản của mình sang dn tư nhân mà ông đã bỏ vốn ra thành lập dn ko?

Trả lời

KO

Vì theo khoản 2 điều 29 luật dn quy định: tài sản được sd vào hoạt động kd của chủ dn tư nhân ko phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu cho dn

CÂU 9: Công ty AB thành lập công ty con lấy tên là công ty A&B .Khi đăng kí kd đã bị cơ quan đăng kí kd từ chối với lý do tên gọi gây nhầm lẫn với công ty AB .Công ty AB cho rằng 2 công ty này là me_con nên pháp luật vẫn cho phép đặt tên như vậy?

CÔNG TY AB SAI

Vì theo điều 32 luật dn quy định cấm đặt tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên dn đã đk.Ở đây luật cấm đối với mọi dn ko thấy nói đến trừ trường hợp là công ty me_con

CÂU 10: Ông T quyết định tặng 70% vốn góp của mình tại công ty TNHH P cho anh Q là con nuôi vì anh có khả năng kinh doanh .Các tv khác của công ty P cho rằng việc tặng cho đó không hợp pháp vì ko có sự đồng ý của hội đồng thành viên nhưng ông T cho rằng ông có quyền tặng cho bất cứ người con nào phần vốn góp của mình tại công ty P mà các tv khác ko có quyền phản đối và người đó đương nhiên là thành viên của công ty ÔNG T SAI

Vì theo khoản 5 điều 45 luật dn quy định: thành viên có quyền tặng cho 1 phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình tại công ty cho người khác.Trường hợp người được tặng là người có cùng huyết thống đến thế hệ thứ 3 thì họ đương nhiên là thành viên của công ty. Trường hợp

người được tặng cho là người khác thì học chỉ trở thành tv của công ty khi được hội đồng tv chấp thuận.Ở đây Q chỉ là con nuôi của ông T ko có quan hệ huyết thống với ông T nên cần có sự chấp thuận của hội đồng tv

CÂU 11: Công ty T được ông K là thành viên góp vốn của công ty TNHH X sử dụng vốn góp để trả nợ .Vậy khi công ty T nhận thanh toán nợ bằng vốn góp đó thì có đương nhiên trở thành thành viên công ty TNHH X ko?

KO

Vì theo quy định tại khoản 6 điều 45 luật dn thì công ty T chỉ trở thành tv của công ty TNHH X nếu được hội đồng tv chấp thuận

CÂU 12: Ông Q được cử làm chủ tịch hội đồng tv ,còn ông H được cử làm giám đốc công ty TNHH A .Nhưng điều lệ công ty ko quy định chủ tịch hội đồng tv hay giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty .Vậy trong trường hợp này ai sẽ đương nhiên là đại diện theo pháp luật?

Chủ tịch hội đồng tv(ông Q)sẽ là đại diện theo pháp luật của công ty nhưng trong giấy tờ phải ghi rõ.Trong trường hợp chủ tịch hội đồng tv ko là đại diện theo pháp luật thì giám đốc công ty(ông H)sẽ đảm nhiệm chức vụ đó

CÂU 13: Khi trên thị trường có những diễn biến bất lợi cho công ty ,các thành viên công ty đã yêu cầu chủ tịch hội đồng tv B triệu tập họp hội đồng tv .Nhưng ông B cho rằng điều lệ công ty ko quy định vấn đề này và ông đang chiếm 65% vốn góp thấy ko cần thiết.Vì vậy những tv có yêu cầu đã nhân danh công ty kiện ông B về việc ko thực hiện đúng nghĩa vụ quản lý gây thiệt hại đến lợi ích hợp pháp của họ

ÔNG B SAI

Vì theo quy định tại khoản 2 điều 41 luật dn: thành viên hoặc nhóm tv sở hữu trên 25% vốn điều lệ(trong trường hợp này các tv yêu cầu triệu tập họp sở hữu 35% vốn điều lệ) có quyền yêu cầu triệu tập hội đồng tv để giải quyết những vụ thuộc thẩm quyền

CÂU 14: Pháp luật hiện hành có quy định cấm kí kết hợp đồng giữa công ty TNHH một thành viên là cá nhân với chính cá nhân làm chủ sở hữu công ty đó hay ko?

KO

Theo điều 75 khoản 4 quy định hợp đồng giao dịch giữa công ty TNHH 1 thành viên là cá nhân với chủ sở hữu công ty hoặc những người có liên quan của chủ sở hữu công ty phải được ghi chép lại và lưu giữ thành hồ sơ riêng của công ty .Như vậy công ty vẫn được phép kí kết hợp đồng với chính cá nhân làm chủ sở hữu công ty nhưng có điều hợp đồng đó phải được lưu giữ thành hồ sơ riêng của công ty này

CÂU 15: Điều lệ công ty cổ phần B có quy định chỉ cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% trở lên sẽ có quyền yêu cầu triệu tập họp đại hội đồng cổ đông trong trường hợp hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông .Vậy quy định này có bị coi là trái quy định của pháp luật hay ko?

QUY ĐỊNH TRÊN CÓ BỊ COI LÀ TRÁI PHÁP LUẬT

Vì theo quy định của pháp luật cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền yêu cầu triệu tập họp đại hội cổ đông trong trường hợp hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông ...

CÂU 16:Điều lệ công ty cổ phần Y quy định cổ đông sáng lập là cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết .Vậy cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết có được chuyển nhượng cổ phần đó cho cổ đông sáng lập khác trong công ty hay ko?
KO

Vì theo khoản 3 điều 81 luật dn quy định cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết ko được chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác.

CÂU 17:Ông T mua 5000 cổ phần ưu đãi hoàn lại của công ty cổ phần Y .Trên cổ phiếu đó ko ghi thời gian hoàn lại .Vậy ông T có được quyền yêu cầu công ty cổ phần Y hoàn trả lại cho mình giá trị ghi trên mệnh giá bất kỳ lúc nào ko?

CÓ

Vì theo điều 83 luật dn thì phần ưu đãi hoàn lại là cổ phần được công ty hoàn lại vốn góp bất cứ khi nào theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các điều kiện được tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại. Trong trường hợp này trên cổ phiếu ko ghi tg hoàn lại vậy nên ông T sẽ được nhận lại hoàn toàn vốn góp bất kỳ lúc nào ông yêu cầu

CÂU 18: Ông B,C,D là những cổ đông sáng lập công ty cổ phần A.Vậy pháp luật có bắt buộc họ phải mua ít nhất 20% tổng số vốn điều lệ trước khi được cấp giấy chứng nhận đăng kí kd hay ko?
KO

Vì theo quy định tại điều 84 các cổ đông sáng lập phải cùng nhau đăng kí mua ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông được quyền chào bán và phải thanh toán đủ số cổ phần đã đk mua trong thời hạn chín mươi ngày kể từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận đk kinh doanh.

Như vậy các cổ đông sáng lập ko bắt buộc phải mua ít nhất 20% tổng số vốn điều lệ trước khi được cấp giấy chứng nhận đkkd mà có thể được thanh toán đủ số cổ phần đã đk mua trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày cấp giấy kd

CÂU 19:Điều lệ công ty cổ phần X quy định trong thời hạn 3 năm kể từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận đk kinh doanh ,cổ đông sáng lập ko được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông khác với bất kỳ lí do nào .Nhưng trong thời hạn đó ông H là cổ đông sáng lập công ty đã chuyển nhượng 1 phần cổ phần phổ thông của mình cho anh B cùng là cổ đông sáng lập .Vậy hành vi của ông H có được coi là đúng với quy định của pháp luật hiện hành ko?

CÓ

Vì theo khoản 5 điều 84 quy định trong thời hạn 3 năm kể từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận đkkd cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác .

CÂU 20:Q là cổ đông của công ty cổ phần T đã thu gom được 1 lượng cổ phần bằng 5% tổng số cổ phần phổ thông và đã yêu cầu công ty đăng kí với cơ quan đkkd .Nhưng công ty cho rằng chỉ khi T nắm giữ từ 5% trở lên của tổng số tất cả các loại cổ phần do công ty phát hành thì công ty mới thực hiện việc đk với cơ quan đkkd

CÔNG TY ĐÚNG

Vì theo quy định tại khoản 4 điều 86 luật dn thì cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên thì phải được đk tại với cơ quan đkkd có thẩm quyền

CÂU 21:Đại hội đồng cổ đông công ty cổ phần A đã biểu quyết cho phép hội đồng quản trị được

quyền chào bán 12% số cổ phần công ty đã mua lại của cổ đông .Hội đồng quản trị đã chào bán với giá bằng 50% giá thị trường cho tất cả cổ đông theo tỉ lệ cổ phần hiện có của họ ở công ty .Hỏi trong trường hợp nêu trên việc hội đồng quản trị chào bán với giá 50% giá thị trường cho tất cả cổ đông theo tỉ lệ cổ phần hiện có của họ ở công ty có được coi là đúng quy định pháp luật ko?

CÓ

Vì theo khoản điều 87 trong trường hợp cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỉ lệ cổ phần hiện có của họ ở công ty thì hội đồng quản trị có quyền quyết định giá bán.

CÂU 22:Do công ty cổ phần P nợ của ngân hàng S 500 triệu đồng nên công ty quyết định phát hành trái phiếu cho ngân hàng S với lãi suất hàng năm 8% song có người cho rằng quyết định đó là vi phạm pháp luật vì trong 3 năm liên tục công ty chỉ trả cổ tức bằng 5%

Ý KIẾN ĐÓ SAI,CÔNG TY P ĐÚNG

Vì theo khoản 2 điều 88 quy định việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn ko bị hạn chế bởi các quy định

CÂU 23: Trong năm 2006 hội đồng quản trị công ty cổ phần đã quyết định mua lại tổng số 16% cổ phần mỗi lần 8% .Đại hội đồng cổ đông cho rằng như vậy là sai nhưng hội đồng quản trị cho rằng như vậy là đúng vì mỗi lần mua lại ko quá 10%.Vậy trong trường hợp nêu trên ý kiến của ai đúng?

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ĐÚNG

Vì: theo quy định tại khoản 1 điều 91 quy định hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại ko quá 10% tổng

số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi 12 tháng .Như vậy trong 1 năm hội đồng quản trị công ty chỉ có quyền quyết định mua lại ko quá 10% tổng số cổ phần.(ở trên trong năm 2006 quyết định mua lại 16% cổ phần như vậy là trái với quy định pháp luật)

CÂU 24:Công ty cổ phần X đã quyết định mua lại 7% cổ phần phổ thông tuy nhiên năm kinh doanh đó công ty cổ phần X bị xác định là thua lỗ .Vậy trong trường hợp này việc công ty cổ phần X quyết định mua lại cổ phần phổ thông đó có được coi là hợp lệ hay ko?
CÓ

Câu 25: Giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức mà cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác và có thỏa thuận bên nhận chuyển nhượng là người có quyền nhận cổ tức cổ phiếu .Vậy thỏa thuận đó có phù hợp với quy định của pháp luật ko?

KO PHÙ HỢP VỚI QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

Vì: theo khoản 4 điều 93 quy định : trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công txxnh yâu

CÂU 26:Công ty H nắm giữ 10% cổ phần tại công ty B đã quyết định cử 2 đại diện theo ủy quyền để thực hiện các quyền cổ đông theo quy định pháp luật và quy định rõ mỗi người đại diện 5% số cổ phần này đủ cho họ đại diện tham gia vào hội đồng quản trị vào ban kiểm soát .Vậy công ty H ủy quyền cho 2 người này có được hay ko?
CÓ

CÂU 27: Mặc dù ông H phản đối việc mua lại 15% tổng số cổ phần do vi phạm điều lệ công ty nhưng hội đồng quản trị vẫn thông qua nghị quyết với đa số phiếu thuận trong quá trình thực hiện quyết định đó đã gây ra thiệt hại cho công ty .Hội đồng quản trị yêu cầu ông H cũng phải liên đới chịu trách nhiệm vì thiếu số phục tùng đa số nhưng ông H từ chối .Vậy trong trường hợp này ông H từ chối yêu cầu của hội đồng quản trị có bị coi là vi phạm pháp luật ko?

ÔNG H KO VI PHẠM PHÁP LUẬT

Vì theo khoản 4 điều 108 quy định trong trường hợp quyết định do hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc điều lệ của công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty ,thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

CÂU 28:Công ty cổ phần X là công ty con của công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên B do nhà nước đầu tư chiếm 65% vốn điều lệ .Vậy chủ tịch công ty TNHH 1 thành viên B có quyền bổ nhiệm con trai của mình làm người đại diện phần vốn tại công ty cổ phần và có quyền tham gia ứng cử vào hội đồng quản trị ko?

KO

Vì theo quy định tại khoản 2 điều 57:đối với công ty con của công ty cổ phần vốn góp ,cổ phần của nhà nước chiếm trên 50% vốn điều lệ thì giám đốc hoặc tổng giám đốc ko được là vợ hoặc chồng ,cha ,cha nuôi,mẹ ,mẹ nuôi .con,con nuôi,anh chị em ruột của người quản lý và người có thẩm quyền bổ nhiệm người

quản lý của công ty mẹ.

CÂU 29:Công ty cổ phần X muốn bầu anh B 20 tuổi có trình độ trung cấp kế toán làm kiểm soát viên công ty . Nhưng có ý kiến cho rằng anh ko đủ tuổi theo quy định của pháp luật hiện hành để bầu vào chức năng ấy .Vậy ý kiến trên có căn cứ pháp luật hay ko?

Ý KIẾN TRÊN CÓ CĂN CỨ PHÁP LUẬT

Theo khoản 1 điều 122 quy định thành viên ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau

Từ 21 tuổi trở lên có đủ năng lực hành vi dân sự và ko thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý dn theo quy định của pháp luật...

CÂU 30:Ông X đăng kí thành lập dn tư nhân X nhưng bị cơ quan đkkd từ chối với lí do ông đã thành là thành viên hợp danh của công ty hợp danh K ,mặc dù các thành viên của công ty hợp danh K đã co kiến nghị .Vậy việc từ chối của cơ quan đkkd đối với yêu cầu của ông X có đúng với quy định của pháp luật hiện hành ko?

KO ĐÚNG VỚI QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH

Vì trong khoản 1 điều 133 quy định thành viên hợp danh vẫn được phép làm chủ dn tư nhân nếu được sự đồng ý của các thành viên hợp danh còn lại .

CÂU 31:Các thành viên trong công ty hợp danh W đã cử ông X là thành viên góp vốn làm chủ tịch kiêm giám đốc công ty theo quy định tại điều lệ 3.Vậy trường hợp này có được coi là phù hợp với quy định pháp luật hiện hành ko?

KO PHÙ HỢP VỚI QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH

Vì theo khoản 2 điều 140 quy định thành viên góp vốn ko được tham gia quản lý công ty ,ko được tiến hành công việc kd nhân danh công ty.

CÂU 32:Ông G chỉ là thành viên hợp danh của công ty hợp danh K mà ko phải là chủ tịch hay giám đốc công ty nhưng đã nhân danh công ty trong các giao dịch hàng ngày của công ty .Khi được hỏi về việc ủy quyền ,ông đã giải thích bất kỳ thành viên hợp danh nào cũng có quyền nhân danh công ty trong việc kí kết hợp đồng mà ko cần phải được công ty ủy quyền .Vậy ý kiến ông G về vấn đề này đúng hay sai.

ĐÚNG

Vì theo khoản 1 điều 134 có quy định thành viên hợp danh được quyền nhân danh công ty tiến hành các hoạt động kinh doanh các ngành nghề kinh doanh đã đk ,đàm phán và kí kết các hợp đồng thỏa thuận hoặc giao ước mà thành viên đó cho là có lợi nhất cho công ty.

CÂU 33:Ông T là thành viên hợp danh của công ty hợp danh X .Nay ông muốn thành lập doanh nghiệp tư nhân do chính mình làm chủ nên xin chấm dứt tư cách thành viên hợp danh tại công ty hợp danh X .Vậy khi rút vốn và xóa tên thành viên hợp danh trong công ty X ông T sẽ ko phải chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ của công ty phát sinh trước ngày chấm dứt tư cách thành viên.

SAI

Vì theo quy định tại khoản 5 điều 138 :trong thời hạn 2 năm kể từ ngày chấm dứt tư cách thành viên hợp danh thì người đó vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các khoản nợ của công ty đã phát sinh trước ngày chấm dứt tư cách tv

CÂU 34:Trong thỏa thuận tiếp nhận thành viên mới của công ty hợp danh A có điều khoản thành viên mới phải liên đới chịu trách nhiệm bằng toàn

bộ tài sản của mình đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty kể từ ngày công ty hoạt động .Vậy thỏa thuận đó có phù hợp với quy định pháp luật hiện hành ko?

CÓ PHÙ HỢP VỚI QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH

Vì theo khoản 3 điều 139 quy định thành viên hợp danh mới phải cùng liên đới chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trừ trường hợp thành viên đó và các thành viên còn lại có thỏa thuận khác

CÂU 35: Ông X là chủ công ty TNHH 1 thành viên Y .Sau đó ông đã mua dn tư nhân B của ông B .Vậy trong trường hợp này ông X có được sáp nhập dn tư nhân B vào công ty TNHH 1 thành viên Y hay ko?

CÓ

CÂU 36: Công ty TNHH P có 2 thành viên là A và B .Vậy khi A chết do bị tai nạn giao thông thì công ty có được quyền chuyển thành công ty TNHH 1 thành viên mà ko phải tiến hành giải thể hay ko?

Trả lời

CÓ

Vì khi A chết người thừa kế là thành viên của công ty tức là B ,lúc này B sẽ sở hữu toàn bộ cổ phần tại công ty, công ty P muốn trở thành công ty TNHH 1 thành viên chỉ cần tiến hành thay đổi chủ sở hữu công ty và tổ chức quản lý hoạt động theo quy định về công TNHH 1 thành viên chứ ko phải tiến hành giải thể công trình

CÂU 37: Ông G chỉ là thành viên hợp danh của công ty hợp danh K mà ko phải là chủ tịch hay giám đốc công ty nhưng đã nhân danh công ty trong các giao dịch hàng ngày của công ty .Khi được hỏi về việc ủy quyền ,ông đã

giải thích bất kỳ thành viên hợp danh nào cũng có quyền nhân danh công ty trong việc kí kết hợp đồng mà ko cần phải được công ty ủy quyền .Vậy ý kiến ông G về vấn đề này đúng hay sai.

ĐÚNG

Vì theo khoản 1 điều 134 có quy định thành viên hợp danh được quyền nhân danh công ty tiến hành các hoạt động kinh doanh các ngành nghề kinh doanh đã đk ,đàm phán và kí kết các hợp đồng thỏa thuận hoặc giao ước mà thành viên đó cho là có lợi nhất cho công ty.

CÂU 38: Ông T là thành viên hợp danh của công ty hợp danh X .Nay ông muốn thành lập doanh nghiệp tư nhân do chính mình làm chủ nên xin chấm dứt tư cách thành viên hợp danh tại công ty hợp danh X .Vậy khi rút vốn và xóa tên thành viên hợp danh trong công ty X ông T sẽ ko phải chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ của công ty phát sinh trước ngày chấm dứt tư cách thành viên.

SAI

Vì theo quy định tại khoản 5 điều 138 :trong thời hạn 2 năm kể từ ngày chấm dứt tư cách thành viên hợp danh thì người đó vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các khoản nợ của công ty đã phát sinh trước ngày chấm dứt tư cách tv

CÂU 39:Trong thỏa thuận tiếp nhận thành viên mới của công ty hợp danh A có điều khoản thành viên mới phải liên đới chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty kể từ ngày công ty hoạt động .Vậy thỏa thuận đó có phù hợp với quy định pháp luật hiện hành ko?

CÓ PHÙ HỢP VỚI QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH

Vì theo khoản 3 điều 139 quy định thành viên hợp danh mới phải cùng liên đới chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trừ trường hợp thành viên đó và các thành viên còn lại có thỏa thuận khác

Bài 2: Hãy xác định các dấu hiệu sau đây, dấu hiệu nào thuộc về Giải thể hoặc Phá sản.

1/ Hoạt động kinh doanh thua lỗ kéo dài. 🐼 **Giải thể, Phá sản.**

2/ Nợ lương lao động 3 tháng liên tiếp. 🐼 **Phá sản.**

3/ Áp dụng thủ tục hành chính. 🐼 **Giải thể.**

4/ Có đơn gửi Tòa kinh tế. 🐼 **Phá sản.**

5/ Bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị hạn chế quyền tự do kinh doanh trong thời hạn từ 1 – 3 năm. 🐼 **Phá sản.**

6/ Bị xóa tên trong mọi trường hợp. 🐼 **Giải thể.**

7/ Được tham gia hoạt động kinh doanh lại ngay. 🐼 **Giải thể, (Phá sản).**

8/ Vì nhiều nguyên nhân. 🐼 **Giải thể.**

9/ Thủ tục tố tụng có sự cưỡng chế về tài sản. 🐼 **Phá sản.**

10/ Do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết. 🐼 **Giải thể, Phá sản.**

Bài 3

a/ 1 cá nhân (người nước ngoài) 🐼 DN 100% vốn đầu tư nước ngoài (có pháp nhân, chịu trách nhiệm hữu hạn bằng tài sản của DN, điều chỉnh trực tiếp bởi Luật Đầu tư nước ngoài tại VN – 9/6/2000).

b/ 1 cá nhân (người VN) 🐼 DNTN (có pháp nhân, vô hạn, bằng all tài sản của chủ DN, Luật DN -12/6/99.

c/ 2 cá nhân 🐼 Cty TNHH 2 thành viên, Cty Hợp danh.

d/ 1 tổ chức 🐼 Cty TNHH 1 thành viên, DNNN.

e/ 2 tổ chức 🐼 Cty TNHH 2 thành viên.

f/ 3 tổ chức 🐼 Cty cổ phần, Cty TNHH có 2 thành viên trở lên.

g/ 15 (cá nhân or tổ chức) 🐼 Cty cổ phần, Cty TNHH có 2 thành viên trở lên.

h/ 50 (cá nhân or tổ chức) 🐼 Cty cổ phần, Cty TNHH có 2 thành viên trở lên.

i/ 51 (cá nhân or tổ chức) 🐼 Cty cổ phần

ĐỀ BÀI

Trong năm 2007, công ty nhà nước Sông Hồng của UBND tỉnh Y gặp khó khăn và thua lỗ trong hoạt động kinh doanh. Đầu năm 2008, nhận thấy công ty Sông Hồng lâm vào tình trạng phá sản. UBND tỉnh Y đã nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với công ty Sông Hồng.

Tuy nhiên, Tòa án nhân dân tỉnh Y đã trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản của UBND tỉnh Y vì cho rằng UBND tỉnh Y không có quyền này. Sau đó, theo đơn yêu cầu của đại diện hợp pháp của công ty Sông Hồng, ngày 22/3/2008, Tòa án nhân dân tỉnh Y đã thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với công ty Sông Hồng.

BÀI LÀM

I, MỞ ĐẦU

Phá sản là một hiện tượng kinh tế xã hội tất yếu của nền kinh tế thị trường, nó hiện hữu như là một sản phẩm của quá trình cạnh tranh, chọn lọc và đào thải tự nhiên của nền kinh tế thị trường, bất kể đó là nền kinh tế thị trường phát triển ở các nước trên thế giới hay

nên kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Vì thế luật phá sản ở Việt Nam đã ra đời nhằm quy định một cách thống nhất, chặt chẽ trình tự thủ tục giải quyết việc phá sản doanh nghiệp để góp phần đáp ứng những đòi hỏi khách quan. Từ khi Luật phá sản phát sinh hiệu lực, các cơ quan chức năng đã có nhiều sự điều chỉnh để những quy định về phá sản đi vào thực tiễn. Tuy nhiên hiện trạng áp dụng pháp luật về phá sản ở nước ta còn tồn tại nhiều bất cập bởi không phải ai cũng nắm rõ được những quy định của pháp luật sản. Qua bài viết này, nhóm chúng tôi mong muốn giúp người đọc hiểu thêm về một số quy định hiện hành của Luật phá sản năm 2004.

II, NỘI DUNG CÂU HỎI:

1, Tòa án nhân dân tỉnh Y trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản của UBND tỉnh Y đúng hay sai? Giải thích rõ.

Nộp đơn là hành vi đầu tiên làm phát sinh vụ việc phá sản. Nó là cơ sở để các cơ quan có thẩm quyền quyết định mở hay không mở thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp. Trong tình huống nêu trên, muốn xem xét việc Tòa án nhân dân tỉnh Y trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản của UBND tỉnh Y là đúng hay sai cần xem xét hai vấn đề sau:

Một là Tòa án có thể ra quyết định trả lại đơn trong những trường hợp nào. Hai là UBND tỉnh Y có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với công ty Sông Hồng hay không?

Thứ nhất: Điều 24 Luật phá sản 2004 có quy định về các trường hợp tòa án có quyền trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, theo quy định tại khoản 2 nếu xét thấy người nộp đơn không có quyền nộp đơn tòa án có thể trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.

Thứ hai: theo quy định của luật phá sản 2004, các chủ thể sau có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản:

+ Chủ nợ không có bảo đảm hoặc có bảo đảm một phần (Điều 13 Luật phá sản 2004). Đây là quy định nhằm đảm bảo lợi ích của chủ nợ khi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản.

+ Người lao động “*người lao động cử người đại diện hoặc thông qua đại diện công đoàn nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã đó*” (Điều 14 Luật phá sản 2004). Đây là điểm mới của luật phá sản 2004 , sau khi nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, đại diện cho người lao động hoặc đại diện công đoàn được coi là chủ nợ và có quyền, nghĩa vụ như các chủ nợ không có bảo đảm khác khi tham gia quá trình giải quyết thủ tục phá sản.

+ Doanh nghiệp, hợp tác xã mắc nợ (Điều 15 Luật phá sản 2004). Quy định này là hợp lý vì hơn ai hết con nợ là người đầu tiên hiểu rõ nhất về tình trạng tài chính của mình. Mặt khác việc yêu cầu con nợ phải nộp đơn khi thấy mình lâm vào tình trạng phá sản cũng nhằm bảo vệ một cách kịp thời quyền của con nợ, chủ nợ và các chủ thể khác có liên quan.

Ngoài ba đối tượng trên, Luật phá sản 2004 đã mở rộng quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản cho một số chủ thể khác gồm: chủ sở hữu doanh nghiệp nhà nước, cổ đông công ty cổ phần, thành viên hợp danh công ty hợp danh theo Điều 16, 17 và 18 trong Luật phá sản 2004. Mục đích của việc mở rộng này nhằm góp phần chấm dứt tình trạng doanh nghiệp trên thực tế đã không thể hoạt động nhưng vẫn tồn tại về mặt pháp lý.

Theo Luật doanh nghiệp nhà nước 2003 thì đại diện doanh nghiệp nhà nước là: Thủ tướng chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc chính phủ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh, hội đồng quản trị công ty nhà nước là đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp nhà nước.

Theo Khoản 3 Điều 17 Nghị định 132/2005/NĐ-CP về thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu doanh nghiệp nhà nước đối với công ty nhà nước thì: Khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng quản trị phải chỉ đạo Tổng giám đốc, Giám đốc công ty thông báo tình hình tài chính của công ty cho tất cả chủ nợ biết; yêu cầu Tổng giám đốc, Giám đốc nộp đơn hoặc tự nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản theo quy định tại Điều 16 của Luật Phá sản ngày 15 tháng 6 năm 2004.

Như vậy, Chủ tịch UBND tỉnh là người đại diện cho UBND tỉnh, cho nên việc chủ tịch UBND cấp tỉnh chỉ đạo Tổng giám đốc, giám đốc công ty thông báo tình hình tài chính của công ty cho tất cả chủ nợ

biết; yêu cầu Tổng giám đốc, Giám đốc nộp đơn hoặc tự nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản theo quy định tại Điều 16 của Luật Phá sản ngày 15 tháng 6 năm 2004 chính là việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của UBND tỉnh – đại diện chủ sở hữu doanh nghiệp nhà nước.

Do đó, khi nhận thấy công ty Sông Hồng lâm vào tình trạng phá sản, Chủ tịch UBND tỉnh Y sẽ thông báo tình hình tài chính của công ty cho tất cả các chủ nợ biết đồng thời yêu cầu giám đốc, tổng giám đốc nộp đơn hoặc tự nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản theo quy định tại Điều 16 của Luật phá sản 2004: *“Khi nhận thấy doanh nghiệp nhà nước lâm vào tình trạng phá sản mà doanh nghiệp không thực hiện nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản thì đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp đó.”*

Dựa vào những căn cứ trên ta có khẳng định sau:

Tòa án trả lại đơn là sai nếu: công ty Sông Hồng không thực hiện nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản thì việc nộp đơn của UBND tỉnh Y là hoàn toàn đúng pháp luật.

Tòa án nhân dân tỉnh Y trả lại đơn là đúng nếu: Công ty Sông Hồng đã nộp đơn mà UBND tỉnh Y lại tiếp tục nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với công ty Sông Hồng; hoặc UBND tỉnh chưa hề có hành vi yêu cầu công ty Sông Hồng thông báo tình hình tài chính của mình cho các chủ nợ biết cũng như chưa yêu cầu công ty nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.

2. Để mở thủ tục phá sản đối với công ty Sông Hồng, Tòa án chuẩn bị đủ những chứng cứ pháp lý nào?

Sau thời hạn 30 ngày kể từ ngày thụ lý đơn, chánh án tòa án có thẩm quyền phải xem xét đơn cùng các giấy tờ tài liệu có liên quan.

Theo Khoản 2 Điều 28 Luật phá sản năm 2004 có quy định :
Tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản khi có các căn cứ chứng minh doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản. Trong trường hợp cần thiết, trước khi ra quyết định mở thủ tục phá sản, Tòa án có thể triệu tập phiên họp với sự tham gia của người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, chủ doanh nghiệp hoặc đại diện hợp pháp của doanh nghiệp, hợp tác xã bị yêu cầu mở thủ tục phá sản, cá nhân, tổ chức có liên quan để xem xét, kiểm tra các căn cứ chứng minh doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản.

Căn cứ vào quy định này, để mở thủ tục phá sản đối với công ty Sông Hồng thì tòa án cần có các căn cứ để chứng minh công ty Sông Hồng lâm vào tình trạng phá sản. Theo Điều 3 Luật phá sản năm 2004 thì doanh nghiệp, hợp tác xã không có khả năng thanh toán được các khoản nợ đến hạn khi chủ nợ có yêu cầu thì coi là lâm vào tình trạng phá sản. Theo đó, công ty Sông Hồng lâm vào tình trạng phá sản khi thỏa mãn hai điều kiện sau:

- Có các Khoản nợ đến hạn: các Khoản nợ đến hạn phải là các Khoản nợ không có bảo đảm hoặc có bảo đảm một phần (chỉ tính phần không có bảo đảm) đã rõ ràng được các bên xác nhận, có đầy đủ các giấy tờ, tài liệu để chứng minh và không có tranh chấp;

- Chủ nợ đã có yêu cầu thanh toán, nhưng doanh nghiệp, hợp tác xã không có khả năng thanh toán. Yêu cầu của chủ nợ thanh toán các Khoản nợ đến hạn phải có căn cứ chứng minh là chủ nợ đã có yêu cầu, nhưng không được doanh nghiệp, hợp tác xã thanh toán.

Ngày 22/3/2008 đại diện hợp pháp của công ty Sông Hồng đã nộp đơn yêu cầu và mở thủ tục phá sản. Theo Khoản 2 Điều 16 Luật phá sản thì: Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo đơn yêu cầu được thực hiện theo quy định tại Điều 15 của Luật này. Theo Khoản 4 Điều 15 Luật phá sản năm 2004 thì phải nộp kèm theo đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản các giấy tờ, tài liệu sau đây:

a) Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, trong đó giải trình nguyên nhân và hoàn cảnh liên quan đến tình trạng mất khả năng thanh toán; nếu doanh nghiệp là công ty cổ phần mà pháp luật yêu cầu phải được kiểm toán thì báo cáo tài chính phải được tổ chức kiểm toán độc lập xác nhận;

b) Báo cáo về các biện pháp mà doanh nghiệp, hợp tác xã đã thực hiện, nhưng vẫn không khắc phục được tình trạng mất khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn;

c) Bảng kê chi tiết tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã và địa điểm nơi có tài sản nhìn thấy được;

d) Danh sách các chủ nợ của doanh nghiệp, hợp tác xã trong đó ghi rõ tên, địa chỉ của các chủ nợ; ngân hàng mà chủ nợ có tài khoản; các

khoản nợ đến hạn có bảo đảm và không có bảo đảm; các khoản nợ chưa đến hạn có bảo đảm và không có bảo đảm;

đ) Danh sách những người mắc nợ của doanh nghiệp, hợp tác xã trong đó ghi rõ tên, địa chỉ của họ; ngân hàng mà họ có tài khoản; các khoản nợ đến hạn có bảo đảm và không có bảo đảm; các khoản nợ chưa đến hạn có bảo đảm và không có bảo đảm;

e) Danh sách ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên, nếu doanh nghiệp mắc nợ là một công ty có các thành viên liên đới chịu trách nhiệm về những khoản nợ của doanh nghiệp;

g) Những tài liệu khác mà Tòa án yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã phải cung cấp theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào những phân tích trên, để có thể mở thủ tục phá sản đối với công ty Sông Hồng thì tòa án cần chuẩn bị những chứng cứ pháp lý sau:

Thứ nhất: Đơn yêu cầu và mở thủ tục phá sản của công ty Sông Hồng. Do đại diện hợp pháp của công ty Sông Hồng có đơn yêu cầu nên đơn này phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Ngày, tháng, năm làm đơn;
- Tên, địa chỉ của doanh nghiệp, hợp tác xã;
- Căn cứ của việc yêu cầu mở thủ tục phá sản.

Thứ hai: Các giấy tờ, văn bản để chứng minh có khoản nợ và khoản nợ đó đã đến hạn cần thanh toán như giấy vay, giấy ghi nợ... Các giấy

tờ, văn bản đó phải rõ ràng, được các bên xác nhận và có đủ các giấy tờ, tài liệu để chứng minh không có tranh chấp .

Thứ ba: Có các chứng cứ để chứng minh chủ nợ đã yêu cầu thanh toán nhưng công ty Sông Hồng không có khả năng thanh toán như văn bản đòi nợ của chủ nợ, văn bản khất nợ của công ty Sông Hồng...

Thứ tư: Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của công ty trong đó giải trình nguyên nhân và hoàn cảnh liên quan đến tình trạng mất khả năng thanh toán.

Thứ năm: Báo cáo về các biện pháp mà công ty đã thực hiện, nhưng vẫn không khắc phục được tình trạng mất khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

Thứ sáu: Bảng kê chi tiết tài sản của công ty và địa điểm nơi có tài sản nhìn thấy được.

Thứ bảy: Danh sách các chủ nợ của công ty trong đó ghi rõ tên, địa chỉ của các chủ nợ; ngân hàng mà chủ nợ có tài khoản; các khoản nợ đến hạn có bảo đảm và không có bảo đảm; các Khoản nợ chưa đến hạn có bảo đảm và không có bảo đảm.

Thứ tám: Danh sách những người mắc nợ của công ty trong đó ghi rõ tên, địa chỉ của họ; ngân hàng mà họ có tài khoản; các khoản nợ đến hạn có bảo đảm và không có bảo đảm; các khoản nợ chưa đến hạn có bảo đảm và không có bảo đảm.

Thứ chín: Danh sách ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên, nếu công ty có các thành viên liên đới chịu trách nhiệm về những khoản nợ của công ty.

Trong trường hợp công ty Sông Hồng là công ty 100% vốn nhà nước hoặc là công ty trực tiếp phục vụ quốc phòng; doanh nghiệp thường xuyên, trực tiếp cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu thì sẽ phải tiến hành mở thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp đặc biệt. Tức là ngoài các chứng cứ pháp lý trên còn cần thêm văn bản thông báo không áp dụng hoặc chấm dứt hoạt động kinh doanh của công ty sau khi áp dụng các biện pháp phục hồi mà vẫn không phục hồi được và không có khả năng thanh toán. Điều này được quy định tại Điều 9 Nghị định 67/2006/NĐ-CP của Chính phủ về hướng dẫn việc áp dụng Luật Phá sản đối với doanh nghiệp đặc biệt và tổ chức, hoạt động của Tổ quản lý, thanh lý tài sản

“Điều 9. Thủ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp đặc biệt Tòa án chỉ thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp đặc biệt sau khi đã nhận được văn bản thông báo của các cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân sau đây:

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, Trưởng ban Ban cơ yếu Chính phủ thông báo không áp dụng hoặc chấm dứt áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đặc biệt trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh, cơ yếu mà doanh nghiệp đó vẫn không phục hồi được và không có khả năng thanh toán nợ đến hạn.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quản lý ngành, lĩnh vực, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng quản trị tổng công ty nhà nước hoặc của công ty mẹ có doanh nghiệp thành viên hoặc công ty con là doanh nghiệp đặc biệt, chủ sở hữu doanh nghiệp, hợp tác xã thông báo không áp dụng hoặc chấm dứt áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã thường xuyên, trực tiếp cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu mà doanh nghiệp, hợp tác xã đó vẫn không phục hồi được và không có khả năng thanh toán nợ đến hạn.”

3. Ngày 29/03/2008, tòa án nhân dân Tỉnh Y đã ra quyết định mở thủ tục phá sản đối với công ty này. Trong quá trình tiến hành thủ tục phá sản, Tổ quản lý, thanh lý tài sản đã phát hiện:

- Ngày 22/04/2008, công ty Sông Hồng tiến hành thanh toán số nợ 293 triệu đồng (không có đảm bảo) cho công ty cổ phần Hoa Hồng.

- Ngày 29/04/2008, công ty Sông Hồng tự ý tiến hành trả lương tháng 4 cho người lao động làm việc tại công ty.

Như trên đã phân tích, theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 28 Luật phá sản thì trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản thì tòa án phải quyết định mở thủ tục phá sản khi có căn cứ chứng minh rằng doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản. Tòa án tuyên bố mở thủ tục phá sản đối với công ty này, hành vi của Tòa án cũng kéo theo việc thành lập tổ quản lý, thanh lý tài sản với mục đích quản lý, thanh lý tài sản của công ty đang

lâm vào tình trạng phá sản và giám sát hoạt động kinh doanh của công ty. Trong tình huống trên, tổ quản lý, thanh lý tài sản đã phát hiện ra 2 hành vi của công ty Sông Hồng thực hiện sau khi thủ tục phá sản được mở. Vậy hai hành vi đó có được coi là hợp pháp hay không?

Thứ nhất: Pháp luật phá sản trên cơ sở nhằm bảo vệ tối đa lợi ích của chủ nợ, do đó đồng thời với việc mở thủ tục phá sản của tòa án cũng phát sinh quyền đòi nợ và nghĩa vụ gửi giấy nợ của chủ nợ và để đảm bảo quyền đòi nợ của mình chủ nợ bắt buộc phải gửi giấy nợ tới tòa án trong thời hạn tối đa là 60 ngày (Điều 51 Luật phá sản 2004). Tuy nhiên cần hiểu thủ tục đòi nợ trong phá sản khác với đòi nợ trong dân sự, đòi nợ ở đây không phải là tiến hành yêu cầu con nợ trả số tiền đã nợ mà do bản chất của thủ tục phá sản là thủ tục đòi nợ tập thể nên đòi nợ ở đây phải tiến hành thông qua các bước, giai đoạn của thủ tục phá sản. Do đó trong tình huống này nếu như công ty cổ phần Hoa Hồng có yêu cầu công ty Sông Hồng thanh toán nợ trước cho mình thì công ty Sông Hồng cũng không có nghĩa vụ phải trả nợ riêng cho công ty cổ phần Hoa Hồng thậm chí là bất kỳ một chủ nợ nào khác.

Thứ hai: cùng với việc bảo vệ quyền và lợi ích của chủ nợ, pháp luật phá sản cũng không ngừng cải thiện để có thể bảo vệ lợi ích của con nợ. Đặc biệt là khi tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản với doanh nghiệp, pháp luật vẫn tạo điều kiện cho doanh nghiệp được duy trì hoạt động kinh doanh nhưng dưới sự giám sát, kiểm tra của thẩm phán và tổ quản lý, thanh lý tài sản. Tuy nhiên những lợi ích đó cũng có giới hạn, để đảm bảo tài sản doanh nghiệp không bị thất

thoát ra ngoài, thông qua đó bảo vệ quyền lợi cho các chủ nợ, Điều 18 Luật phá sản doanh nghiệp năm 1993 đã có quy định nghiêm cấm doanh nghiệp mắc nợ thực hiện các hành vi làm tổn hại đến giá trị tài sản của doanh nghiệp. Kế thừa quy định này Điều 31 Luật phá sản năm 2004 đã đưa ra quy định nhằm bảo toàn tài sản của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản, bảo vệ tối đa quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ nợ và các chủ thể có liên quan đó là những hoạt động mà doanh nghiệp không được thực hiện hoặc hạn chế thực hiện tại Điều 31 Luật phá sản 2004:

"1. Kể từ ngày nhận được quyết định mở thủ tục phá sản, nghiêm cấm doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện các hoạt động sau đây:

a) Cất giấu, tẩu tán tài sản;

b) Thanh toán nợ không có bảo đảm;

c) Từ bỏ hoặc giảm bớt quyền đòi nợ;

d) Chuyển các Khoản nợ không có bảo đảm thành nợ có bảo đảm bằng tài sản của doanh nghiệp." - Trích Điều 31 Luật phá sản năm 2004

Theo quy định này những hoạt động nêu trên bị cấm tuyệt đối với các doanh nghiệp sau khi đã bị tòa án mở thủ tục phá sản. Tuy nhiên trong tình huống đưa ra "Ngày 22/04/2008, công ty Sông Hồng tiến hành thanh toán số nợ 293 triệu đồng (không có đảm bảo) cho công ty cổ phần Hoa Hồng". Dựa theo quy định trên hành vi này của công ty Sông Hồng là bất hợp pháp vì: công ty đã tự ý thanh toán các

khoản nợ không đảm bảo cho một công ty khác, mặt khác thời gian thanh toán lại chỉ sau khi tòa án quyết định mở thủ tục phá sản là 24 ngày, thời gian này cũng chưa thể tiến hành thủ tục thanh lý tài sản doanh nghiệp được bởi sau khi tiến hành mở thủ tục phá sản pháp luật còn quy định phải tiến hành các thủ tục như: kiểm kê tài sản doanh nghiệp, nhận giấy đòi nợ, tiến hành hội nghị chủ nợ,... Và như trên đã nói nếu như công ty cổ phần Hoa Hồng có yêu cầu công ty Sông Hồng trả nợ hay không thì công ty Sông Hồng cũng không được thanh toán bất kỳ một khoản nợ nào. Do đó hành vi thanh toán nợ của công ty Sông Hồng đã vi phạm điểm b, Khoản 1, Điều 31 Luật phá sản 2004.

"... 2. Sau khi nhận được quyết định mở thủ tục phá sản, các hoạt động sau đây của doanh nghiệp, hợp tác xã phải được sự đồng ý bằng văn bản của Thẩm phán trước khi thực hiện:

a) Cầm cố, thế chấp, chuyển nhượng, bán, tặng cho, cho thuê tài sản;

b) Nhận tài sản từ một hợp đồng chuyển nhượng;

c) Chấm dứt thực hiện hợp đồng đã có hiệu lực;

d) Vay tiền;

đ) Bán, chuyển đổi cổ phần hoặc chuyển quyền sở hữu tài sản;

e) Thanh toán các Khoản nợ mới phát sinh từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã và trả lương cho người lao động trong doanh nghiệp, hợp tác xã." - Trích Điều 31 Luật phá sản năm 2004

Quy định này đưa ra nhằm hạn chế việc thực hiện những công việc của doanh nghiệp liên quan đến việc làm hao hụt khối tài sản của doanh nghiệp khi đã bị tòa án mở thủ tục phá sản, nhưng vẫn để ngỏ quy định để các doanh nghiệp có thể thực hiện được những hành vi đó nếu có sự đồng ý của thẩm phán bằng văn bản. Trong tình huống đưa ra "Ngày 29/04/2008, công ty Sông Hồng tự ý tiến hành trả lương tháng 4 cho người lao động làm việc tại công ty". Hành vi này nằm trong một các hành vi nêu trên và cùng tiến hành sau khi tòa án tuyên bố mở thủ tục phá sản với công ty được 1 tháng. Nhưng trong tình huống không nói rõ là hành vi này được sự cho phép bằng văn bản của thẩm phán nên ta sẽ hiểu theo hướng là hành vi này của công ty Sông Hồng không được sự cho phép của thẩm phán toàn án nhân dân mà chỉ là hành vi pháp lý đơn phương của công ty. Do đó hành vi trả lương cho 4 người lao động của công ty cũng được coi là hành vi bất hợp pháp - vi phạm điểm e, Khoản 2, Điều 31 Luật phá sản 2004.